

**ĐẢNG BỘ TỈNH YÊN BÁI
HUYỆN ỦY YÊN BÌNH**

*

Số 1926 - CV/HU

*sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị, đề án,
quy định của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy
nhiệm kỳ 2020-2025*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Yên Bình, ngày 13 tháng 02 năm 2025

- Kính gửi:**
- Hội đồng nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân huyện,
 - Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Huyện ủy,
 - Ủy ban MTTQ, các tổ chức chính trị xã hội huyện,
 - Các cơ quan, đơn vị thuộc huyện.
 - Các Đảng bộ, chi bộ cơ sở.

Thực hiện Kế hoạch số 217-KH/TU ngày 05/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị, đề án, quy định của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2020-2025. Thường trực Huyện ủy yêu cầu Hội đồng nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân huyện, các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Huyện ủy, Ủy ban MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội huyện, các cơ quan, đơn vị thuộc huyện, các Đảng bộ, chi bộ cơ sở thực hiện một số nội dung sau:

1. Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện những văn bản còn nguyên giá trị lý luận, giá trị thực tiễn (theo Phụ lục 01 kèm theo).
2. Kết thúc thực hiện một số văn bản có sự thay đổi do sắp xếp tổ chức, bộ máy hoặc lồng ghép, tích hợp những văn bản có sự tương đồng về nội dung, đối tượng thực hiện (theo Phụ lục 02 kèm theo).
3. Chỉ đạo sơ kết, tổng kết các nghị quyết, đề án, chỉ thị... (theo đề cương quy định) khi có văn bản của cấp ủy cấp trên hoặc cơ quan ngành dọc cấp trên.
4. Căn cứ dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội XX Đảng bộ tỉnh (có dự thảo báo cáo kèm theo) rà soát, đề xuất cụ thể việc ban hành các nghị quyết, đề án, quy định... của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo trong nhiệm kỳ 2025-2030, báo cáo Ban Thường vụ Huyện ủy (qua Văn phòng Huyện ủy) **trước 16h00, ngày 25/02/2025** tổng hợp báo cáo tỉnh.

Yêu cầu Hội đồng nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân huyện, các cơ quan đơn vị, các đảng bộ, chi bộ cơ sở nghiêm túc triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Huyện ủy,
- Như kính gửi,
- Lưu VPTU.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**



Nguyễn Lê Dũng



PHỤ LỤC 01:

**CÁC NGHỊ QUYẾT, CHỈ THỊ, ĐỀ ÁN CỦA TỈNH ỦY, BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY TIẾP TỤC THỰC HIỆN
KHÔNG TIẾN HÀNH SƠ KẾT, TỔNG KẾT**

(Kèm theo Kế hoạch số -KH/TU ngày /02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

TT	TÊN VĂN BẢN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ
I	LĨNH VỰC KINH TẾ	
1	Chỉ thị số 20-CT/TU ngày 30/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thống kê trên địa bàn tỉnh Yên Bái	Đảng ủy UBND tỉnh
II	LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI	
1	Chỉ thị số 24-CT/TU ngày 26/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Yên Bái	Đảng ủy UBND tỉnh
III	LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG - AN NINH NỘI CHÍNH	
1	Chỉ thị số 11-CT/TU ngày 01/4/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh tra	Đảng ủy UBND tỉnh
2	Chỉ thị số 33-CT/TU ngày 28/02/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng Công an phường điển hình, kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị trên địa bàn tỉnh Yên Bái	Đảng ủy Công an tỉnh
3	Chỉ thị số 36-CT/TU ngày 07/4/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh triển khai thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Yên Bái năm 2023 và các năm tiếp theo	Đảng ủy UBND tỉnh
4	Chỉ thị số 45-CT/TU ngày 26/02/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm an ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Yên Bái	Đảng ủy Công an tỉnh

IV	LĨNH VỰC TƯ TƯỞNG (02 văn bản)	
1	Quy định số 27-QĐ/TU ngày 12/4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phân cấp, phối hợp trách nhiệm trong công tác bồi dưỡng lý luận chính trị, nghiệp vụ cho đối tượng cấp ủy viên cơ sở, bí thư chi bộ, cán bộ Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn.	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy
2	Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 06/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng đối với công tác điều tra, nắm bắt, nghiên cứu, định hướng dư luận xã hội trong tình hình mới	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy
3	Chỉ thị số 06-CT/TU ngày 24/3/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền miệng, hoạt động báo cáo viên của các cấp ủy trong tình hình mới	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy
4	Chỉ thị số 14-CT/TU ngày 01/6/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho cán bộ, nhân dân	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy
V	LĨNH VỰC TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG	
1	Quy định số 25-QĐ/TU ngày 02/4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về quản lý cán bộ tham gia Đề án số 11-ĐA/TU ngày 08/8/2018 về “Xây dựng và tạo nguồn đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đến năm 2030, định hướng đến năm 2035”	Ban Tổ chức Tỉnh ủy
2	Quy định số 09-QĐ/TU ngày 30/6/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý	Ban Tổ chức Tỉnh ủy
3	Quy định số 08-QĐ/TU ngày 30/6/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc bí thư, phó bí thư, ủy viên ban thường vụ, cấp ủy viên các cấp dự sinh hoạt với chi bộ khu dân cư và chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở	Ban Tổ chức Tỉnh ủy
4	Quy định số 37-QĐ/TU ngày 14/4/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phân cấp quản lý tổ chức, cán bộ	Ban Tổ chức Tỉnh ủy

5	Quy định số 38-QĐ/TU ngày 17/4/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử và miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ	Ban Tổ chức Tỉnh ủy
6	Quy định số 40-QĐ/TU ngày 25/4/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy quy định tạm thời về khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung trong hệ thống chính trị tỉnh Yên Bái	Ban Tổ chức Tỉnh ủy
7	Quy định số 35-QĐ/TU ngày 30/11/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiêu chuẩn, điều kiện kết nạp, kết nạp lại đảng viên tại Đảng bộ tỉnh Yên Bái	Ban Tổ chức Tỉnh ủy
8	Quy định số 31-QĐ/TU ngày 28/7/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về khen thưởng tổ chức đảng và đảng viên	Ban Tổ chức Tỉnh ủy
9	Quy định số 49-QĐ/TU ngày 19/3/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiêu chuẩn chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và định hướng khung chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý	Ban Tổ chức Tỉnh ủy
10	Chỉ thị số 46-CT/TU ngày 03/4/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường kỷ luật, kỷ cương, khắc phục tình trạng né tránh, đùn đẩy, sợ trách nhiệm trong thi hành nhiệm vụ	Ban Tổ chức Tỉnh ủy
11	Đề án số 07-ĐA/TU ngày 28/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng Chi bộ kiểu mẫu trong Đảng bộ tỉnh Yên Bái giai đoạn 2022-2025	Ban Tổ chức Tỉnh ủy
12	Đề án số 11-ĐA/TU ngày 08/8/2018 của Tỉnh ủy về “Xây dựng và tạo nguồn đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đến năm 2030, định hướng đến năm 2035”	Ban Tổ chức Tỉnh ủy
VI	LĨNH VỰC KIỂM TRA, GIÁM SÁT, THI HÀNH KỶ LUẬT ĐẢNG	
1	Quy định số 24-QĐ/TU ngày 08/3/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tổ chức và hoạt động của đoàn kiểm tra, giám sát của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy
2	Quy định số 23-QĐ/TU ngày 27/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về cấp, quản lý, sử dụng Thẻ kiểm tra trong Đảng bộ tỉnh Yên Bái	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy
3	Chỉ thị số 43-CT/TU, ngày 22/12/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát thường xuyên của các cấp ủy, ủy ban kiểm tra và các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc cấp ủy các cấp trong Đảng bộ tỉnh Yên Bái	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy

VII	LĨNH VỰC DÂN VẬN, TÔN GIÁO	
1.	Đề án số 13-ĐA/TU ngày 16/3/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào thi đua “Dân vận khéo” trên địa bàn tỉnh Yên Bái, giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy
VII	LĨNH VỰC NỘI CHÍNH	
I		
1	Quy định số 32-QĐ/TU ngày 25/9/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tiếp nhận, xử lý đơn thư gửi đến Tỉnh ủy	Ban Nội chính Tỉnh ủy
2	Quy định số 34-QĐ/TU ngày 25/9/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân trên địa bàn tỉnh	Ban Nội chính Tỉnh ủy
3	Quy định số 43-QĐ/TU ngày 31/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc lãnh đạo, chỉ đạo, theo dõi, đôn đốc của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tỉnh và Ban Nội chính Tỉnh ủy, ban thường vụ huyện ủy, thị ủy, thành ủy đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật trong công tác điều tra, xử lý các vụ án, vụ việc	Ban Nội chính Tỉnh ủy
4	Chỉ thị số 49-CT/TU ngày 29/5/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, chuyển giao, tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố trên địa bàn tỉnh	Ban Nội chính Tỉnh ủy
IX	CÔNG TÁC XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN, MẶT TRẬN TỔ QUỐC	
1	Đề án số 23-ĐA/TU ngày 30/11/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát và phản biện xã hội của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp tỉnh Yên Bái giai đoạn 2025-2030	Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh (Chi ủy Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh)



PHỤ LỤC 02:

CÁC NGHỊ QUYẾT, CHỈ THỊ, ĐỀ ÁN CỦA TỈNH ỦY, BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY KẾT THÚC THỰC HIỆN HOẶC LỒNG GHÉP CÁC VĂN BẢN CÓ CÙNG NỘI DUNG (KHÔNG TIỀN HÀNH SƠ KẾT, TỔNG KẾT)

(Kèm theo Kế hoạch số -KH/TU ngày /02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

TT	TÊN VĂN BẢN	NỘI DUNG THỰC HIỆN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP
I	KẾT THÚC THỰC HIỆN			
1	Quy định số 14-QĐ/TU ngày 12/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phối hợp công tác giữa Đảng ủy Khối cơ quan và doanh nghiệp tỉnh với Đảng ủy Quân sự tỉnh, Đảng ủy Công an tỉnh, các huyện, thị, thành ủy	Kết thúc thực hiện do sắp xếp tổ chức bộ máy	Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh
2	Chỉ thị số 05-CT/TU ngày 23/3/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục đẩy mạnh và đổi mới công tác thi đua, khen thưởng giai đoạn 2021 - 2025.	Kết thúc thực hiện	Đảng ủy UBND tỉnh	
3	Đề án số 03-ĐA/TU ngày 27/4/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch giai đoạn 2021 - 2025	Kết thúc thực hiện	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy	
4	Đề án số 05-ĐA/TU ngày 12/10/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị và nghiệp vụ cho cán bộ, đảng viên ở cơ sở; trọng tâm là đối tượng cấp ủy viên, bí thư chi bộ, cán bộ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn, giai đoạn 2021-2025	Kết thúc thực hiện	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy	
5	Quy định số 06-QĐ/TU ngày 21/5/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phối hợp giữa Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy với Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác khoa giáo	Kết thúc thực hiện do sắp xếp tổ chức bộ máy	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy	
6	Chỉ thị số 13-CT/TU ngày 20/5/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công tác cải cách tư pháp trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021 - 2025	Kết thúc thực hiện	Đảng ủy UBND tỉnh	
7	Chỉ thị số 08-CT/TU ngày 25/3/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo trong công tác thi hành án hình sự tại cộng đồng	Kết thúc thực hiện	Đảng ủy UBND tỉnh	
8	Chỉ thị số 27-CT/TU ngày 19/4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thi hành án dân sự, thi hành án hành chính trên địa bàn tỉnh Yên Bái	Kết thúc thực hiện	Đảng ủy UBND tỉnh	
9	Quy định số 32-QĐ/TU ngày 08/8/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác phối hợp giữa Đảng đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Đảng đoàn Hội Nông dân, Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đảng đoàn Hội Cựu chiến binh, Đảng đoàn Liên đoàn Lao động tỉnh và Ban Thường vụ Tỉnh đoàn với ban thường vụ các huyện, thị, thành ủy	Kết thúc thực hiện do sắp xếp tổ chức bộ máy	Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh	

10	Nghị quyết số 93-NQ/TU ngày 20/10/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh xây dựng lực lượng Công an tỉnh Yên Bái thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới	Kết thúc thực hiện	Đảng ủy Công an tỉnh	
1	Đề án số 17-ĐA/TU ngày 24/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy lùi tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống và xuất cảnh trái phép ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Yên Bái giai đoạn 2023 - 2025	Kết thúc thực hiện	Đảng ủy UBND tỉnh	
II	KẾT THÚC THỰC HIỆN VÀ NGHIÊN CỨU LỒNG GHÉP NỘI DUNG			
1	Quy định số 17-QĐ/TU ngày 15/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tổ chức lễ tang; nghi thức thăm viếng cán bộ, thân nhân cán bộ tử trần và việc an táng tại Nghĩa trang Trung tâm tỉnh Yên Bái	Kết thúc thực hiện. Nghiên cứu ban hành chính sách của HĐND tỉnh	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Đảng ủy các cơ quan đảng tỉnh (Đảng ủy HĐND tỉnh)
2	Quy định số 18-QĐ/TU ngày 15/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thăm hỏi, hỗ trợ và điều dưỡng đối với cán bộ			
3	Quy định số 26-QĐ/TU ngày 06/4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác quy hoạch cán bộ	Kết thúc thực hiện. Nghiên cứu lồng ghép nội dung ban hành Quy định mới về công tác tổ chức xây dựng đảng	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	
4	Quy định số 29-QĐ/TU ngày 27/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về luân chuyển cán bộ			
5	Quy định số 53-QĐ/TU ngày 30/10/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trên địa bàn tỉnh Yên Bái			
6	Quy định số 01-QĐ/TU ngày 15/4/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng	Kết thúc thực hiện. Nghiên cứu lồng ghép nội dung để ban hành Quy định mới về công tác phối hợp giữa UBKTTU với các tổ chức đảng	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	Đảng ủy các cơ quan đảng tỉnh và Đảng ủy UBND tỉnh
7	Quy định số 02-QĐ/TU ngày 15/4/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy với Đảng đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, đảng đoàn các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh và Ban Thường vụ Tỉnh đoàn trong việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng			
8	Quy định số 03-QĐ/TU ngày 15/4/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy với Đảng ủy Quân sự tỉnh trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng			
9	Quy định số 04-QĐ/TU ngày 15/4/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy với Đảng ủy Công an tỉnh trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng			
10	Quy định số 05-QĐ/TU ngày 15/4/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy với Ban cán sự đảng Tòa án nhân dân tỉnh, Ban cán sự đảng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng			

11	Quy định số 07-QĐ/TU ngày 15/4/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy với Thanh tra tỉnh trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng			
12	Quy định số 12-QĐ/TU ngày 30/7/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy với Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh trong việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng			
13	Quy định số 13-QĐ/TU ngày 30/7/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy với Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng			
14	Nghị quyết số 61-NQ/TU ngày 20/10/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục lãnh đạo hiệu quả công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.	Kết thúc thực hiện. Ban hành Đề án thực hiện trong nhiệm kỳ 2025-2030	Đảng ủy UBND tỉnh	
15	Quy định số 16-QĐ/TU ngày 15/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện văn hóa, đạo đức trong Đảng và hệ thống chính trị tại Đảng bộ tỉnh Yên Bái	Ban hành kết luận về việc tiếp tục thực hiện gắn với thực hiện Quy định số 144-QĐ/TW của Bộ Chính trị trong toàn Đảng bộ	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy	
16	Chi thị số 47-CT/TU ngày 03/4/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo sử dụng nền tảng số "Sổ tay đảng viên điện tử tỉnh Yên Bái" trong sinh hoạt chi bộ	Tích hợp các nội dung để ban hành mới một Chi thị/Đề án của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện sổ tay đảng viên điện tử	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	
17	Đề án số 11-ĐA/TU ngày 28/10/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Sổ tay đảng viên điện tử tỉnh Yên Bái			

18	Nghị quyết số 66-NQ/TU ngày 10/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận	Đưa vào Nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy	
19	Chỉ thị số 09-CT/TU ngày 31/3/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh Yên Bái trong tình hình mới	Ban hành Chỉ thị mới theo hướng lồng ghép thêm nội dung của Chỉ thị số 29-CT/TU ngày 25/11/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy	
20	Chỉ thị số 29-CT/TU ngày 25/11/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác đấu tranh với các tổ chức tôn giáo bất hợp pháp trên địa bàn tỉnh Yên Bái	Kết thúc thực hiện		
21	Chỉ thị số 07-CT/TU ngày 25/3/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng giai đoạn 2021 - 2025	Ban hành Chỉ thị mới của Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo hướng bổ sung nội dung về công tác phòng, chống lãng phí	Ban Nội chính Tỉnh ủy	
22	Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 17/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Yên Bái			
23	Nghị quyết số 40-NQ/TU ngày 31/5/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội			
24	Nghị quyết số 116-NQ/TU ngày 14/4/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp tỉnh Yên Bái đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Đưa vào Nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị	Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh	

25	Đề án số 04-ĐA/TU ngày 01/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng bộ tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025	Đưa vào Nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	
----	--	---	-------------------------	--



ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Yên Bái, ngày tháng năm 2025

**BÁO CÁO CHÍNH TRỊ
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH KHÓA XIX
TẠI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XX,
NHIỆM KỲ 2025-2030**

**Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị tinh gọn, trong sạch, vững mạnh;
phát triển nhanh, toàn diện, bền vững theo hướng “xanh, hài hòa,
bản sắc, hạnh phúc”; nằm trong nhóm 5 tỉnh hàng đầu Vùng Trung du
và miền núi phía Bắc vào năm 2030**

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Yên Bái lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025-2030 có nhiệm vụ đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, xác định mục tiêu phát triển, phương hướng, nhiệm vụ 05 năm tới (2025-2030) nhằm thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 10 năm giai đoạn 2021-2030; kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX; bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XX thực sự tiêu biểu về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, có đức, có tài, bản lĩnh, trí tuệ, tinh thần đổi mới sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Với phương châm “**Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đột phá - Phát triển**”, Đại hội thể hiện tinh thần đoàn kết, thống nhất, ý chí, khát vọng vươn lên của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, tự hào và tin tưởng dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, chung sức, đồng lòng, quyết tâm xây dựng tỉnh Yên Bái phát triển nhanh, toàn diện, bền vững theo hướng “xanh, hài hòa, bản sắc và hạnh phúc”, phấn đấu nằm trong nhóm 05 tỉnh phát triển hàng đầu của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, tiến tới là hình mẫu phát triển xanh của vùng và cả nước vào năm 2050.

Phần thứ nhất

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI
ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XIX, NHIỆM KỲ 2020-2025**

5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội XIX Đảng bộ tỉnh có những diễn biến bất thường, ngoài dự đoán, gây ra nhiều khó khăn, thách thức nhưng cũng mang lại những thời cơ, thuận lợi. Tình hình chính trị, kinh tế thế giới diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường; bất ổn địa chính trị, xung đột vũ trang leo thang tại một số quốc gia, khu vực; thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp; thị trường tiền tệ, xuất, nhập khẩu, giá cả hàng hóa thiết yếu biến động mạnh... tác động lớn đến an ninh, chính trị và phát triển kinh tế - xã hội của nhiều quốc gia.

Trong nước, tuy chịu ảnh hưởng tiêu cực do tác động sâu sắc từ những yếu tố bất lợi của môi trường quốc tế, thiên tai, đại dịch Covid-19 nhưng đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử; vị thế, uy tín quốc tế được nâng cao, quy mô, trình độ nền kinh tế được nâng lên; đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ tuy vẫn là “vùng trũng” trong phát triển và “lõi nghèo” của cả nước nhưng đã được quan tâm đầu tư, rút ngắn dần khoảng cách về thu nhập và trình độ phát triển so với trung bình cả nước.

Trong tình, cùng với bối cảnh thuận lợi và khó khăn chung của cả nước và của vùng, Yên Bái vẫn còn nhiều khó khăn nội tại của một tỉnh miền núi, địa hình chia cắt, trình độ phát triển còn hạn chế; tiếp tục gánh chịu những tổn thất nặng nề, chưa từng có do tác động của thiên tai, thời tiết cực đoan, nhất là cơn Bão số 3 (Yagi). Phát huy truyền thống đoàn kết, với quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn và sự chung sức, đồng lòng của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân các dân tộc, Yên Bái đã chủ động, linh hoạt, triển khai đồng bộ, quyết liệt, sáng tạo các giải pháp để lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ tỉnh theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội XIX Đảng bộ tỉnh với phương châm “Đổi mới, sáng tạo, quyết liệt, kỷ cương, hiệu quả”, đạt được nhiều kết quả tích cực và khá toàn diện trên các lĩnh vực, tạo nền tảng, động lực mới cho sự phát triển nhanh, bền vững trong giai đoạn tới.

A. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

I. KINH TẾ - XÃ HỘI TIẾP TỤC PHÁT TRIỂN; QUỐC PHÒNG - AN NINH ĐƯỢC GIỮ VỮNG

1. Kinh tế tiếp tục phát triển ổn định, bền vững. Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (giá so sánh 2010) năm 2025 ước đạt **8,2%¹**, bình quân giai đoạn 2021-2025 ước đạt **7,54%/năm**, vượt mục tiêu Nghị quyết, cao hơn bình quân giai đoạn 2016-2020 (6,27%/năm), đứng thứ 5/14 tỉnh trong vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. Quy mô kinh tế tăng khá, đến năm 2025 ước đạt **53.550 tỷ đồng**, gấp **1,62** lần năm 2020. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch tích cực, đúng hướng, tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản giảm từ 24,59% năm 2020 xuống còn 21,1% năm 2025; tỷ trọng khu vực công nghiệp, xây dựng tăng từ

¹ Trong điều kiện thuận lợi, Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (giá so sánh 2010) năm 2025 ước đạt 10,5%; bình quân giai đoạn 2021-2025 ước đạt 8,12%; quy mô kinh tế đạt trên 55.000 tỷ đồng, gấp 1,66 lần năm 2020; GRDP bình quân đầu người năm 2025 ước đạt 63,2 triệu đồng, gấp 1,54 lần năm 2020.

28,44% năm 2020 lên 32,5% năm 2025; tỷ trọng khu vực dịch vụ cơ bản giữ ổn định ở mức 42%². GRDP bình quân đầu người năm 2025 ước đạt **61,4 triệu đồng, gấp 1,5 lần năm 2020**.

Nông nghiệp phát triển nhanh, là trụ đỡ quan trọng của nền kinh tế. Tiếp tục ban hành và thực hiện hiệu quả các nghị quyết, đề án, chính sách cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới thực chất, hiệu quả; chuyển từ chiều rộng sang chiều sâu, chú trọng nâng cao chất lượng, giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm bền vững; bảo đảm vững chắc sinh kế cho người dân và an ninh lương thực ở vùng cao, đẩy mạnh phát triển các vùng sản xuất hàng hóa chuyên canh tập trung quy mô lớn theo chuỗi giá trị, đáp ứng yêu cầu thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Tốc độ tăng trưởng khu vực nông nghiệp luôn thuộc nhóm cao nhất trong vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ và cả nước, bình quân 05 năm 2021-2025 đạt **5,52%/năm³**, đứng thứ nhất trong Vùng, thứ .../63 tỉnh, thành phố, tăng so với giai đoạn 2016-2020 (4,79%/năm); giá trị sản xuất ngành nông nghiệp ước đạt 9.863 tỷ đồng, tăng 30,4% so với năm 2020; cơ cấu nội ngành chuyển dịch tích cực, giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng lâm nghiệp, thủy sản. Tiếp tục mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng gắn với hợp tác chế biến, tiêu thụ theo chuỗi giá trị cho các vùng sản xuất chuyên canh tập trung của các sản phẩm nông, lâm chủ lực⁴; xây dựng được trên 300 sản phẩm OCOP đạt tiêu chuẩn từ 3 sao trở lên, gấp 3,2 lần năm 2020. Trồng mới trên 15.500 ha rừng hằng năm, giữ vững vai trò, vị trí là địa phương có tỷ lệ che phủ rừng đứng thứ 6 cả nước (63%); chất lượng, giá trị rừng và kinh tế lâm nghiệp có bước được nâng lên⁵.

Tư duy, phương thức tổ chức của người nông dân dân có sự đổi mới từ “sản xuất nông nghiệp” sang “kinh tế nông nghiệp”, tích cực tham gia kinh tế hợp tác, tham gia chuỗi giá trị nông sản quốc gia và quốc tế gắn với phát triển đa dạng các mô hình du lịch nông thôn (du lịch cộng đồng, du lịch canh nông, du lịch sinh thái) tại huyện Trạm Tấu, Mù Cang Chải, Yên Bình, Văn Yên, Trấn Yên và thị xã Nghĩa Lộ. Giá trị thu nhập bình quân trên diện tích đất canh tác nông nghiệp tập trung ước đạt 150 triệu đồng/ha/năm, gấp 1,5 lần năm 2020; giá trị thu hoạch trên 01 ha mặt nước nuôi trồng thủy sản bình quân đạt 250 triệu đồng, tăng 25% so với năm 2020.

Với phương châm lấy chất lượng cuộc sống và hạnh phúc của người dân là mục tiêu, động lực, Yên Bái tiếp tục duy trì vị trí dẫn đầu khu vực miền núi phía Bắc trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới với sự đồng thuận, ủng hộ, vào cuộc tích cực của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh

² Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm ước đạt 4,3%

³ Trong điều kiện thuận lợi đạt mục tiêu tăng trưởng GRDP 10,5% thì Tốc độ tăng trưởng khu vực nông nghiệp bình quân 05 năm 2021-2025 đạt 5,56%/năm.

⁴ Vùng quế trên 82.700 ha, măng tre Bát Độ trên 6.500 ha, Sơn tra trên 9.300 ha, lúa tập trung, chuyên canh gần 4.800 ha, cây ăn quả 10.108 ha, Chè 7.281 ha, Dâu tằm 1.450 ha, rừng trồng nguyên liệu trên 90.750 ha; tổng đàn gia súc đạt 950.000 con; vùng nuôi thủy sản 2.500 ha và trên 2.300 lồng cá.

⁵ Diện tích rừng trồng cây gỗ lớn đạt trên 40.000 ha; diện tích rừng trồng được cấp chứng chỉ rừng bền vững FSC và chứng nhận Quế hữu cơ đạt trên 40.000 ha, gấp gần 04 lần so với năm 2020.

nghiệp và nhân dân⁶. Nhiều phong trào, cách làm sáng tạo, hiệu quả được nhân rộng, phát huy tinh thần tiên phong, gương mẫu, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị góp phần dẫn dắt, lan tỏa sự chung sức, đồng lòng của các tầng lớp nhân dân hăng hái thi đua, đóng góp “sức người, sức của” chung tay xây dựng nông thôn thực chất, bền vững. Sau 05 năm, toàn tỉnh có thêm 51 xã đạt chuẩn nông thôn mới, nâng tổng số xã nông thôn mới lên 122 xã, chiếm 83,5% số xã của tỉnh, có 44 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 16 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, vượt mục tiêu Nghị quyết; 05/09 đơn vị hành chính cấp huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới hoặc hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, trong đó huyện Trấn Yên đạt chuẩn huyện nông thôn mới nâng cao, vượt kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, đạt mục tiêu Nghị quyết của tỉnh; thu nhập bình quân của người dân nông thôn ước đạt 37 triệu đồng/năm, cao gấp 1,6 lần so với năm 2020.

Công nghiệp phát triển ổn định, chất lượng tăng trưởng có mặt nâng lên. Cơ cấu nội ngành công nghiệp tiếp tục chuyển dịch tích cực⁷. Tốc độ tăng trưởng toàn ngành bình quân ước đạt 10,46%/năm⁸ (giai đoạn 2016-2020 đạt 10,33%), đứng thứ .../14 tỉnh trong vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. Giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh 2010) năm 2025 ước đạt trên 20.000 tỷ đồng, gấp 1,54 lần so với năm 2020; chỉ số sản xuất công nghiệp bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt trên 9%, cao hơn so với bình quân giai đoạn 2016-2020 (đạt 8,6%), đóng góp khoảng 25% GRDP của tỉnh, đạt mục tiêu Nghị quyết. Duy trì sản xuất, tiêu thụ các sản phẩm công nghiệp thế mạnh truyền thống (vật liệu xây dựng, chế biến gỗ rừng trồng, thủy điện...), đồng thời thu hút được một số nhà đầu tư nghiên cứu, thực hiện các dự án sản xuất công nghiệp sử dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường, phát triển các sản phẩm công nghiệp mới như viên nén năng lượng, điện sinh khối, lựa tư tằm, chế biến sâu sản phẩm từ cây quế, măng Bát Độ... Hoàn thiện, nâng cao tỷ lệ lấp đầy các khu, cụm công nghiệp hiện hữu và quy hoạch, phát triển thêm 01 khu công nghiệp Trấn Yên và 06 cụm công nghiệp Phú Thịnh 1, Phú Thịnh 2, Phú Thịnh 3, huyện Yên Bình, cụm công nghiệp Y Can, huyện Trấn Yên, cụm công nghiệp Hợp Minh, thành phố Yên Bái và cụm công nghiệp Yên hợp, huyện Văn Yên theo cơ chế doanh nghiệp đầu tư hạ tầng; lũy kế toàn tỉnh đã có 04 khu công nghiệp, 12 cụm công nghiệp với tổng diện tích trên 1.500 ha, tăng 27,5% so với năm 2020; tỷ lệ lấp đầy bình quân các khu công nghiệp đạt trên 76%, các cụm công nghiệp đạt trên 60%. Tiếp tục quan tâm hỗ trợ phát triển các hợp tác xã, tổ hợp tác tiểu thủ công nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp nhỏ và vừa gắn với các vùng sản xuất nông nghiệp và bảo tồn, nâng cao hiệu quả hoạt động các làng nghề truyền thống ở nông thôn.

⁶ Tổng nguồn lực đầu tư cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn của tỉnh giai đoạn 2021-2025 ước đạt gần 19.400 tỷ đồng, gấp 1,55 lần so với giai đoạn 2016-2020.

⁷ Giảm tỷ trọng ngành công nghiệp khai khoáng năm 2021 là 7,04% xuống còn 5,6% năm 2025; tăng tỷ trọng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo từ 79,47%, lên 80,12%; tăng tỷ trọng ngành công nghiệp sản xuất, phân phối điện nước từ 12,89%, lên 13,68%; giảm dần ngành công nghiệp hoạt động quản lý và xử lý nước thải, chất thải (năm 2021 đạt 0,8%, dự ước năm 2025 đạt 0,6%).

⁸ Trong điều kiện thuận lợi đạt mục tiêu tăng trưởng GRDP 10,5% thì Tốc độ tăng trưởng khu vực công nghiệp bình quân 05 năm 2021-2025 đạt 11,32%/năm.

Thương mại, dịch vụ phục hồi nhanh sau đại dịch Covid-19 và có bước phát triển tích cực. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2025 ước đạt 6,62%, cao hơn giai đoạn trước (5,58%/năm)². Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2025 ước đạt 31.845 tỷ đồng¹⁰, gấp 1,68 lần so với năm 2020, vượt 6% mục tiêu Nghị quyết. Mạng lưới kinh doanh thương mại, dịch vụ tiếp tục được mở rộng, chất lượng nâng lên; hạ tầng hệ thống chợ truyền thống được nâng cấp theo tiêu chí nông thôn mới, các siêu thị mini, cửa hàng tiện lợi, cửa hàng sản phẩm OCOP phủ rộng khắp các địa bàn từ thành thị đến nông thôn; hầu hết các ngân hàng, bảo hiểm, siêu thị lớn¹¹ đã có mặt tại tỉnh, lần đầu tiên Yên Bái có Trung tâm thương mại Go! với quy mô 13.000m² đi vào hoạt động, nâng cao khả năng đáp ứng nhu cầu mua sắm, tiêu dùng của nhân dân. Dịch vụ chuyển đổi số, thương mại điện tử có bước phát triển tích cực. Giá trị xuất khẩu năm 2025 ước đạt 500 triệu USD, tăng gấp 2,5 lần so với năm 2020, đạt mục tiêu Nghị quyết, các sản phẩm hàng hóa thế mạnh của tỉnh có mặt tại gần 100 quốc gia và vùng lãnh thổ, tại hầu hết các thị trường lớn, khó tính như Mỹ, EU, Ấn Độ, Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc...

Dịch vụ du lịch phục hồi nhanh, có bước tăng trưởng bứt phá, trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh. Được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch Quốc gia Hồ Thác Bà tầm nhìn đến năm 2040; hoàn thành quy hoạch phát triển thị xã Nghĩa Lộ trở thành thị xã văn hóa - du lịch, huyện Mù Cang Chải, Trạm Tấu trở thành huyện du lịch... gắn với ban hành các chính sách thu hút đầu tư, hỗ trợ, thúc đẩy phục hồi, phát triển mạnh dịch vụ du lịch góp phần từng bước hình thành rõ nét 04 vùng du lịch trọng điểm¹² với nhiều sản phẩm, loại hình du lịch độc đáo, đặc sắc, đa dạng, hấp dẫn¹³, bước đầu tạo dựng được hình ảnh đặc thù “*Yên Bái - Nơi hội tụ sắc màu Tây Bắc*” với thương hiệu là “*Điểm đến an toàn, thân thiện, bản sắc, hấp dẫn và ấn tượng*”. Nhân rộng được nhiều mô hình làng, bản du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm, du lịch nông nghiệp gắn với các danh thắng, di tích lịch sử, bản sắc văn hóa, các vùng sản xuất nông nghiệp đặc trưng. Hoàn thành, đưa vào khai thác nhiều dự án dịch vụ du lịch lớn (Le Champ Tú Lệ, Garrya Mù Cang Chải, Hotel&Spa Hòa Bình Minh - Yên Bái...) gắn với đầu tư, nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng, lưu trú, đáp ứng cơ bản nhu cầu du khách. Lượng khách du lịch đến tỉnh năm 2025 ước đạt 2 triệu lượt, gấp 2,6 lần năm 2020, vượt 33% mục tiêu nghị quyết, bình quân tăng 20,3%/năm; trong đó khách quốc tế trên 300.000 lượt; doanh thu từ dịch vụ du lịch đạt 1.700 tỷ đồng, gấp 3,6 lần so với năm 2020, vượt 13% mục tiêu Nghị quyết.

² Trong điều kiện thuận lợi đạt mục tiêu tăng trưởng GRDP 10,5% thì Tốc độ tăng trưởng khu vực dịch vụ bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt 7,46%

¹⁰ Trong điều kiện thuận lợi đạt mục tiêu tăng trưởng GRDP 10,5% thì Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2025 ước đạt 34.500 tỷ đồng

¹¹ Thế giới di động, Điện máy xanh, Mediamart, FPT, Viettel...

¹² Vùng du lịch Hồ Thác Bà và dọc sông Chảy; Vùng du lịch thành phố Yên Bái và phụ cận; Vùng du lịch miền Tây; Vùng du lịch Bắc Trấn Yên - Văn Yên.

¹³ Lễ hội Văn hóa, Du lịch Mường Lò và khám phá Danh thắng quốc gia đặc biệt Ruộng bậc thang Mù Cang Chải; Lễ hội Quê, Festival thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Thượng Ngàn, huyện Văn Yên; Lễ hội bưởi Đại Minh và khám phá danh thắng quốc gia hồ Thác Bà, huyện Yên Bình; Chương trình du lịch “Về miền đất Ngọc” huyện Lục Yên; lễ hội hoa Tớ dầy Mù Cang Chải,...

Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực cho đầu tư phát triển; phát triển mạnh các thành phần kinh tế. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2021-2025 ước đạt 100.227 tỷ đồng¹⁴, gấp 1,6 lần giai đoạn trước, vượt mục tiêu Nghị quyết; trong đó, tỷ trọng vốn đầu tư khu vực nhà nước giảm 8,9%, vốn đầu tư khu vực ngoài nhà nước tăng 7,4%, vốn đầu tư nước ngoài tăng 1,5% so với giai đoạn 2016-2020. Thu hút đầu tư đạt kết quả khá với gần 250 dự án, tổng vốn đăng ký đầu tư gần 31.500 tỷ đồng, nhiều tập đoàn, doanh nghiệp lớn, hàng đầu trong nước tiếp tục chọn Yên Bái là địa điểm nghiên cứu, đầu tư trọng điểm, như: Tập đoàn BIM Group, Flamingo, Erex Nhật Bản, Tổng công ty Viglacera, BB CIM Holding,...; thu hút và thực hiện được 11 dự án ODA với tổng mức đầu tư 6.032 tỷ đồng, tăng 20% so với giai đoạn trước; 19 dự án FDI, nâng tổng số dự án FDI toàn tỉnh lên 41 dự án với tổng mức đầu tư 10.491 tỷ đồng, tăng 1,7 lần so với giai đoạn trước. Số lượng doanh nghiệp, hợp tác xã thành lập mới tăng nhanh, hoạt động khá hiệu quả, toàn tỉnh hiện có khoảng 3.750 doanh nghiệp, 880 hợp tác xã, trên 6.000 tổ hợp tác, 31.956 hộ kinh doanh đang hoạt động, tăng lần lượt gấp 1,56, 1,75, 1,35 lần so năm 2020, đóng góp khoảng 62% thu ngân sách trên địa bàn. Hoàn thành cổ phần hóa, thoái vốn 100% doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Tài chính, ngân hàng tăng trưởng khá, cơ bản đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Tốc độ tăng thu ngân sách bình quân đạt gần 16%/năm, năm 2025 ước đạt 7.000 tỷ đồng, đạt mục tiêu Nghị quyết, vượt cao so với dự toán Trung ương giao. Tiếp tục cơ cấu lại ngân sách theo hướng tiết kiệm, hiệu quả; đẩy mạnh khoán chi, đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ, bảo đảm công khai, minh bạch tài chính, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách; toàn tỉnh hiện có 42 đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo chi thường xuyên, đạt mục tiêu giai đoạn 2021-2025; Yên Bái hiện đứng thứ 15/63 tỉnh, thành phố về cải cách tài chính công. Chi ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 ước đạt 88.167 tỷ đồng, gấp 1,5 lần so với giai đoạn 2016-2020, trong đó tiếp tục tăng tỷ trọng chi cho đầu tư phát triển, giảm tỷ trọng chi thường xuyên¹⁵. Số lượng, quy mô và thị trường hoạt động của các chi nhánh ngân hàng, quỹ tín dụng tiếp tục được mở rộng¹⁶. Tổng nguồn vốn huy động của các ngân hàng, quỹ tín dụng năm 2025 đạt 59.000 tỷ đồng, dư nợ cho vay đạt 51.500 tỷ đồng, gấp gần 02 lần so với năm 2020 với tỷ lệ nợ xấu là 1%; các chính sách tín dụng phục vụ phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội được triển khai thực hiện tốt.

¹⁴ Trong điều kiện thuận lợi đạt mục tiêu tăng trưởng GRDP 10,5% thì Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2021-2025 ước đạt 106.000 tỷ đồng

¹⁵ Tỷ trọng chi đầu tư phát triển tăng từ 28,15% giai đoạn 2016-2020 lên 29,72% giai đoạn 2021-2025; chi thường xuyên giảm dần từ mức 51,96% giai đoạn 2016-2020 xuống 47,37% giai đoạn 2016-2020.

¹⁶ Toàn tỉnh hiện có 12 chi nhánh ngân hàng loại I (tăng 01 chi nhánh); 09 chi nhánh loại II, 53 phòng giao dịch, 16 quỹ tín dụng nhân dân; 173 điểm giao dịch lưu động của Ngân hàng chính sách xã hội. Gần 14.500 điểm chấp nhận thanh toán không dùng tiền mặt.

2. Văn hóa - xã hội được quan tâm chăm lo, có nhiều tiến bộ; chỉ số hạnh phúc của Nhân dân không ngừng được nâng lên

Chất lượng giáo dục, đào tạo tiếp tục được nâng lên. Mạng lưới trường, lớp học được sắp xếp tinh gọn, hợp lý. Tích cực đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp dạy - học từ truyền thống sang phương pháp giảng dạy tích cực, gắn với xây dựng “trường học hạnh phúc”, “trường học chuyển đổi số”, từng bước phát triển học sinh toàn diện cả về kiến thức, kỹ năng, lòng yêu nước, tự hào dân tộc. Giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số có tiến bộ với tỷ lệ học sinh người dân tộc thiểu số học tại trường phổ thông dân tộc nội trú đạt trên 10%, trường phổ thông dân tộc bán trú đạt trên 30%, tăng tương ứng 5,5% và 2,7% so với năm 2020. Chất lượng giáo dục đại trà và giáo dục mũi nhọn được nâng lên rõ rệt; tỷ lệ thí sinh đạt giải quốc gia tăng đều qua các năm; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông vào học giáo dục nghề nghiệp đạt 45%, tăng 5% so với năm 2020; phát triển giáo dục mầm non ngoài công lập đạt kết quả tích cực với tỷ lệ trẻ huy động đến lớp ngoài công lập đạt 7,6%, tăng 1,8% so với năm 2020. Phổ cập giáo dục đạt kết quả tích cực; Yên Bái là tỉnh thứ 24 trong cả nước đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 và là tỉnh thứ 18 trong cả nước đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học được đầu tư đồng bộ với trên 80% số trường học mầm non và trung học đạt chuẩn quốc gia, tăng 24,7% so với năm 2020, vượt 15% mục tiêu Nghị quyết; tỷ lệ phòng học kiên cố đạt trên 92%, tăng 14% so với năm 2020, không còn phòng học tạm, học nhờ, đạt mục tiêu Nghị quyết. Tập trung đầu tư, đưa Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành trở thành một trong những trường chuyên chất lượng cao trong hệ thống các trường chuyên của cả nước. Quan tâm phát triển đội ngũ, nâng cao năng lực và phẩm chất của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trường học; 100% cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định, tỷ lệ giáo viên đạt danh hiệu nhà giáo ưu tú chiếm 0,7%, lần đầu tiên tỉnh Yên Bái có 01 nhà giáo được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Nhà giáo Nhân dân.

Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân có nhiều tiến bộ, là điểm sáng của vùng Tây Bắc. Tiếp tục đổi mới mạnh cơ chế quản lý chuyên nghiệp, hiện đại, “lấy người bệnh làm trung tâm, chủ thể” gắn với gia tăng tỷ lệ tự chủ tài chính các cơ sở y tế công lập¹⁷, kết hợp với đẩy mạnh phát triển được 292 cơ sở y tế ngoài công lập, tăng 33,3% so với năm 2020; 100% trạm y tế xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia, tăng 25% so với năm 2020; trên 60% trung tâm y tế cấp huyện đạt tiêu chuẩn hạng II trở lên, vượt gần 20% mục tiêu Nghị quyết; nâng cấp, mở rộng quy mô một số bệnh viện chuyên khoa, bệnh viện đa khoa khu vực; toàn tỉnh có 12 bác sỹ/vạn dân, 35,7 giường bệnh/vạn dân (tăng 02 bác sỹ và gần 03 giường bệnh so với năm 2020), đạt mục tiêu Nghị quyết; mở rộng liên kết, hợp tác với nhiều bệnh viện tuyến cuối Trung ương và quốc tế để đào tạo, chuyển giao các kỹ thuật mới, chuyên sâu tại các cơ sở y tế tuyến tỉnh, huyện và thực hiện hiệu quả phong trào thi đua “Bác sỹ tận tâm,

¹⁷ Tỷ lệ tự chủ tài chính chung toàn ngành đạt khoảng 90%, tăng 13% so với năm 2020).

Bệnh nhân hạnh phúc”, góp phần nâng cao chất lượng và tỷ lệ hài lòng của người bệnh với dịch vụ y tế; tỷ lệ bệnh nhân được điều trị thành công đạt 95,5%, tăng 1,6%, tỷ lệ bệnh nhân phải chuyển tuyến là 3,3%, giảm 0,3% so với giai đoạn trước. Thực hiện tốt các chính sách về dinh dưỡng, kiểm soát tỷ lệ gia tăng và nâng cao chất lượng dân số; mở rộng diện bảo hiểm y tế; phòng, chống hiệu quả, không để dịch bệnh nguy hiểm phát sinh trên địa bàn, kiểm soát tốt đại dịch Covid-19, bảo vệ sức khỏe, tính mạng của nhân dân. Tuổi thọ trung bình người dân năm 2025 ước đạt 74,5 tuổi với số năm sống khỏe là 68 năm; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế ước đạt 96,5%; 90% người dân được quản lý sức khỏe bằng hồ sơ sức khỏe điện tử; tỷ lệ người bệnh hài lòng với dịch vụ y tế là 90%, vượt mục tiêu Nghị quyết.

Các hoạt động văn hóa, thể thao, thông tin, truyền thông ngày chuyên nghiệp, chất lượng, hiệu quả, thiết thực nâng cao chỉ số hạnh phúc cho nhân dân. Hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người Yên Bái “thân thiện, nhân ái, đoàn kết, sáng tạo, hội nhập” được tập trung xây dựng và từng bước hình thành, được thể hiện rõ nét qua tinh thần đùm bọc, yêu thương, sẻ chia, giúp đỡ lẫn nhau của nhân dân các dân tộc trên địa bàn cùng vượt qua thiên tai, dịch bệnh, thi đua quyết tâm xóa đói, giảm nghèo, xóa nhà tạm, nhà dột nát, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Thiết chế và các hoạt động văn hóa cơ sở phát triển mạnh, khá đồng bộ¹⁸, góp phần quan trọng nâng cao đời sống tinh thần và chỉ số hạnh phúc cho nhân dân từ vùng thấp đến vùng cao. Tiếp tục quan tâm bảo tồn và phát huy giá trị các di sản¹⁹, văn hóa vật thể, phi vật thể gắn với phát triển du lịch gia tăng giá trị và sức cạnh tranh nền kinh tế của tỉnh; nghệ thuật Xòe Thái được UNESCO ghi danh vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại; nghệ thuật Vẽ sáp ong, nghệ thuật khèn của của Người Mông các huyện Mù Cang Chải, Trạm Tấu, Văn Chấn được đưa vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia... Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với xây dựng “cơ quan, doanh nghiệp hạnh phúc”, “khu dân cư hạnh phúc” ngày càng thực chất, hiệu quả; tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa năm 2025 ước đạt 85%, tăng 5% so với năm 2020; tỷ lệ thôn, bản, tổ dân phố văn hóa đạt 75%, tăng 9% so với năm 2020, đạt mục tiêu Nghị quyết. Phong trào “toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” được triển khai rộng khắp, thu hút khoảng 45% dân số tập luyện thể thao thường xuyên, tăng 5% so với năm 2020, đạt mục tiêu Nghị quyết; thể thao thành tích cao được quan tâm đầu tư và đạt được kết quả tích cực.

Xây dựng bộ tiêu chí phù hợp và thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao chỉ số hạnh phúc cho nhân dân. Tập trung phát triển kinh tế xanh, bền vững gắn với chăm lo tiến bộ, công bằng xã hội, phát huy quyền làm chủ của nhân dân²⁰; đẩy mạnh cải cách công vụ, công chức, cải cách hành chính; giải

¹⁸ Toàn tỉnh có gần 1.600 đội văn nghệ quần chúng (trung bình mỗi thôn, bản, tổ dân phố có 01 đội).

¹⁹ Xếp hạng 29 di tích, toàn tỉnh có 147 di tích, tăng 29 di tích so với năm 2020 (trong đó có 01 di tích quốc gia đặc biệt, 12 di tích quốc gia, 134 di tích cấp tỉnh)

²⁰ Toàn tỉnh hiện có trên 90% gia đình văn hóa đạt tiêu chí gia đình hạnh phúc; 74% thôn, tổ dân phố văn hóa đạt tiêu chí thôn, tổ dân phố hạnh phúc; 400 trường đạt tiêu chí trường học hạnh phúc.

quyết kịp thời các bất cập, tồn tại, hạn chế trong quá trình phát triển, nâng cao chất lượng sống và sự hài lòng của nhân dân. Hết năm 2025, chỉ số hạnh phúc của người dân Yên Bái dự kiến là 68,54%, đạt Mức 2 - Khá hạnh phúc, tăng 15,24% so với năm 2020, vượt mục tiêu Nghị quyết.

Quan tâm phát triển mạnh thông tin, truyền thông, báo chí theo hướng đa phương tiện, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số phù hợp với đặc thù của địa phương. Quản lý, phát huy hiệu quả các cơ quan báo chí trong phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng nhu cầu nhân dân. Năm 2025, 100% số thôn, bản có điện lưới quốc gia được phủ sóng internet (10% số xã, phường, thị trấn có sóng 5G); cơ bản 100% người dân được nghe, xem phát thanh, truyền hình; 87 thuê bao điện thoại/100 dân; 90 thuê bao Internet/100 dân.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hỗ trợ giải quyết việc làm, bảo đảm an sinh, phúc lợi xã hội, giảm nghèo nhanh, bền vững. Trong 05 năm đã tạo việc làm mới, ổn định với thu nhập khá cho trên 107.000 lao động, trong đó lao động xuất khẩu với mức thu nhập cao chiếm 2,5%; kiểm soát tỷ lệ thất nghiệp ở mức từ 1,0-1,2%; chế độ, chính sách của người lao động cơ bản được bảo đảm, khoảng 26% lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội, tăng 9% so với năm 2020, 15% lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp, đạt mục tiêu Nghị quyết. Quan tâm chăm lo đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh, phúc lợi xã hội, kiểm chế, đẩy lùi tệ nạn, quản lý phát triển xã hội tiến bộ, hài hòa, công bằng, an toàn, không để ai bị bỏ lại phía sau, từng bước nâng cao chất lượng sống, sự hài lòng và hạnh phúc của nhân dân. Hoàn thành hỗ trợ xây dựng gần 5.000 căn nhà cho 100% người có công và hộ nghèo khó khăn về nhà ở, tăng 28% so với giai đoạn trước; duy trì việc tặng quà Tết Nguyên đán từ nguồn vận động xã hội hóa cho 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo toàn tỉnh; 100% các hộ nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội được cấp thẻ bảo hiểm y tế; bảo đảm chính sách cho trên 41.500 người có công với cách mạng. Thực hiện sáng tạo, quyết liệt, hiệu quả các giải pháp hỗ trợ, sớm bảo đảm đời sống, sản xuất cho các đối tượng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh, ổn định xã hội.

Huy động sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và toàn xã hội chung sức thực hiện mục tiêu giảm nghèo nhanh, thực chất, bền vững với nhiều cách làm phù hợp, hiệu quả, phát huy ý chí tự lực, tự cường và vai trò chủ thể, chủ động của người dân đóng góp công sức, trí tuệ, phấn đấu lao động, sản xuất, vươn lên phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, trở thành nhu cầu, khát vọng, phong trào thi đua sôi nổi trong các tầng lớp nhân dân. Tỷ lệ giảm hộ nghèo bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt 3,4%/năm, vượt mục tiêu Nghị quyết²¹, góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh từ 18,07% cuối năm 2021, xuống còn 4,36% năm 2025.

Chú trọng chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, từng bước tiếp cận với mặt bằng chung của Vùng và phù hợp với điều kiện thực tiễn

²¹ Căn cứ vào chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025, Hội nghị lần thứ 11, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX thống nhất điều chỉnh chỉ tiêu “Tỷ lệ hộ nghèo giai đoạn 2021-2025” giảm từ 4%/năm xuống còn 3,3%/năm.

của tỉnh. Tăng cường hợp tác với các trường Đại học, các Trung tâm nghiên cứu trong nước và các tổ chức nước ngoài để hỗ trợ chuyển giao công nghệ với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, xây dựng và phối hợp thực hiện các chương trình, đề án, đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, phát triển cơ sở hạ tầng, xây dựng chính sách phục vụ cho chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” được triển khai tích cực, góp phần thúc đẩy mạnh mẽ tinh thần doanh nhân, tư duy đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh. Giai đoạn 2021-2025 đã triển khai thực hiện 104 nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tính khả thi cao, được áp dụng rộng rãi và đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội tích cực.

Quản lý hiệu quả và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, quyền được sinh hoạt tôn giáo của nhân dân. Các tôn giáo cơ bản hoạt động đúng hiến chương, điều lệ, tôn chỉ, mục đích và quy định của pháp luật; một số hoạt động tôn giáo trái pháp luật được phát hiện và xử lý kịp thời; một số bất cập, hạn chế trong công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo tồn tại nhiều năm được khắc phục, giải quyết, nhất là vấn đề đất đai, xây dựng, công nhận tôn giáo... góp phần củng cố niềm tin, sự đồng thuận của các chức sắc, chức việc và tín đồ tôn giáo, chấp hành tốt các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, sống tốt đời đẹp đạo, tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, các hoạt động xã hội, từ thiện, phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh; hằng năm, có trên 80% hộ gia đình tín đồ đạt gia đình văn hóa, 65% hộ giáo đạt giáo họ tiên tiến, tăng 5% cả hai chỉ tiêu so với năm 2020.

3. Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng và bảo vệ tài nguyên, môi trường; phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu. Cụ thể hóa, triển khai kịp thời Luật Đất đai, Luật Địa chất và khoáng sản, Luật Tài nguyên nước...; thực hiện hiệu quả Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Phương án bảo vệ, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản của Quy hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; khoanh định, điều chỉnh khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản...; quản lý nghiêm túc và khai thác khai thác tốt nguồn lực đất đai, tài nguyên phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Hoàn thành việc đo đạc và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho 5/9 huyện, thành phố; công tác cấp phép, quản lý hoạt động khoáng sản cơ bản được thực hiện nghiêm túc. Hoàn thành việc xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai đối với 70% đơn vị cấp huyện; cơ bản hoàn thành việc đăng ký đất đai đối với các thửa đất; 100% thủ tục hành chính về đất đai đã thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại bộ phận Phục vụ hành chính công các cấp. Hoàn thành xử lý 100% cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, đồng thời, kiểm soát chặt chẽ, không để phát sinh thêm các điểm nóng về môi trường, đạt mục tiêu Nghị quyết; đầu tư mới 13 lò đốt rác tập trung, phục vụ hiệu quả công tác thu gom, xử lý rác thải tại nông thôn; tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn đô thị đạt trên 93%, tăng 3% so với năm 2020 tại khu vực nông thôn đạt trên 60%, vượt mục tiêu Nghị quyết; trên 85% cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường. Hoàn thành thủ

tục trình cấp có thẩm quyền xem xét hồ sơ đề xuất công nhân Khu Dự trữ sinh quyển Mù Cang Chải trên cơ sở vùng lõi của Khu Bảo tồn loài sinh cảnh Mù Cang Chải và Khu Bảo tồn thiên nhiên Nà Hẩu. Chủ động thực hiện các phương án phòng, chống và hạn chế tác động của thiên tai, nhất là lũ ống, lũ quét, sạt lở đất trên địa bàn.

4. Kinh tế - xã hội vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số có nhiều tiến bộ. Tiếp tục vận động, hỗ trợ đồng bào thay đổi tập quán lao động, sản xuất, xóa bỏ các hủ tục lạc hậu, tiếp cận và ứng dụng khoa học kỹ thuật mới vào canh tác, xây dựng thương hiệu sản phẩm nông nghiệp đặc sản, hữu cơ, bảo tồn, phát huy hiệu quả bản sắc văn hóa, lợi thế về cảnh quan thiên nhiên, khí hậu để phát triển du lịch canh nông, du lịch trải nghiệm, du lịch cộng đồng, nâng cao giá trị các diện tích ruộng bậc thang, cây sơn tra, cây dược liệu, chăn nuôi gia súc, gia cầm... tại các huyện Mù Cang Chải, Trạm Tấu, Văn Chấn... Triển khai quyết liệt, hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi gắn với lồng ghép, huy động khoảng 23.830 tỷ đồng tập trung đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, điện, giáo dục, y tế, viễn thông... cho vùng cao, vùng đặc biệt khó khăn, gấp 2,3 lần giai đoạn trước²²; thường xuyên rà soát, điều chỉnh quy hoạch, sắp xếp ổn định dân cư, kịp thời di dời, bố trí chỗ ở an toàn cho các hộ dân cư trú tại các vùng xung yếu, rủi ro cao do thiên tai; không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục, y tế, công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm bền vững; thu hút, quy hoạch, đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức người dân tộc thiểu số phù hợp, cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, góp phần đưa 27 xã đặc biệt khó khăn của tỉnh trong nhiệm kỳ đạt chuẩn nông thôn mới, gấp 02 lần so với năm 2020; tỷ lệ hộ nghèo là dân tộc thiểu số giảm từ 30,36% năm 2021 xuống chỉ còn 8,9% vào năm 2025; huyện Trạm Tấu và huyện Mù Cang Chải giảm bình quân khoảng 7,5%/năm, vượt mục tiêu Nghị quyết.

5. Quốc phòng - an ninh được giữ vững, chính trị ổn định, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm. Củng cố vững chắc nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, gắn với thế trận an ninh nhân dân, thế trận lòng dân ngày càng vững chắc, đi vào chiều sâu. Xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, huyện ngày càng vững chắc, xã, phường, thị trấn, cơ quan, đơn vị vững mạnh toàn diện; quan tâm đầu tư xây dựng căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu phương và các công trình quốc phòng, công trình có tính lưỡng dụng cao trong khu vực phòng thủ. Chất lượng tổng hợp và khả năng sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang không ngừng được nâng lên. Tiếp tục kiện toàn lực lượng vũ trang theo hướng “tinh, gọn, mạnh”; củng cố xây dựng lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp, với số lượng và chất lượng ngày càng cải thiện, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ ở địa phương, cơ sở. Thành lập chi bộ quân sự tại 100% xã, phường, thị trấn.

²² Có 99% số thôn thuộc các xã vùng dân tộc thiểu số đã được tiếp cận điện. Trong đó, tỷ lệ thôn được sử dụng điện lưới quốc gia chiếm 98,7%, tăng 4,1% so với năm 2019; 95,9% các thôn thuộc vùng dân tộc thiểu số đã có đường giao thông đến trung tâm xã được cứng hóa, cao hơn 15,9% so với năm 2019.

An ninh chính trị ổn định, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm; chất lượng, hiệu quả công tác bảo đảm an ninh trật tự ở cơ sở được nâng lên. Nhanh chóng triển khai lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở. Chủ động tấn công, trấn áp có hiệu quả với các loại tội phạm; tỷ lệ điều tra, khám phá án hình sự đạt trên 75%, trong đó án rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng đạt trên 95%; không có tội phạm hoạt động “băng nhóm”, “xã hội đen”, tai nạn giao thông giảm cả 3 tiêu chí; góp phần bảo đảm cuộc sống bình yên, hạnh phúc của nhân dân. Hoàn thành đầu tư 100% trụ sở công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

6. Tăng cường hoạt động đối ngoại, hợp tác quốc tế; liên kết phát triển kinh tế - xã hội vùng

Chủ động kết nối, mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác với các địa phương ngoài nước. Không ngừng củng cố, mở rộng và làm sâu sắc thêm quan hệ hợp tác hữu nghị truyền thống với các địa phương của Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, Cộng hòa Pháp, Ý, Nhật Bản, Trung Quốc,... Tăng cường quan hệ với các đại sứ quán, các tổ chức quốc tế và tập đoàn, doanh nghiệp của Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc. Tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư, kết nối giao thương tại Đông Bắc Á, Châu Âu, Bắc Mỹ, Trung Đông, châu Phi, Mỹ Latin..., tạo cơ hội cho doanh nghiệp trong tỉnh tìm kiếm thêm thị trường, nâng cao giá trị xuất khẩu cho hàng hóa của tỉnh. Thiết lập quan hệ hợp tác hữu nghị, ngoại giao kinh tế, đào tạo phát triển nguồn nhân lực với các tỉnh Yamanashi (Nhật Bản), thành phố Naju, quận Cheong-song, tỉnh Gyeongsangbuk (Hàn Quốc),... Ký kết và triển khai thực hiện hiệu quả thỏa thuận hợp tác với các địa phương thuộc tuyến hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Tiếp tục đổi mới hoạt động ngoại giao văn hóa, thông tin đối ngoại; hình ảnh đất và người Yên Bái được giới thiệu, quảng bá ngày càng rộng rãi trong nước và quốc tế.

Tích cực liên kết phát triển kinh tế - xã hội với các tỉnh trong vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ theo tinh thần Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị. Khai thác hiệu quả vị trí địa lý là trung tâm của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ để quy hoạch, đầu tư hạ tầng giao thông kết nối vùng, liên vùng tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội²³. Phối hợp chặt chẽ với các địa phương trong vùng xây dựng và triển khai thực hiện Quy hoạch vùng trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; tích cực nghiên cứu, đề xuất cơ chế phối hợp, chính sách liên kết, điều phối giữa các địa phương trong vùng nhằm thúc đẩy liên kết vùng, tiểu vùng. Ký kết Biên bản hợp tác toàn diện với Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai và triển khai hiệu quả các hoạt động giao lưu, trao đổi, học tập kinh nghiệm hay, cách làm hiệu quả trên các lĩnh vực phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc

²³ Triển khai đầu tư các tuyến giao thông đường bộ kết nối với các tỉnh Sơn La, Lai Châu, Lào Cai, Phú Thọ như: Đường kết nối Mường La (Sơn La), Than Uyên, Tân Uyên (Lai Châu), Mù Cang Chải, Văn Chấn, Văn Yên (Yên Bái) với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC15); sửa chữa, nâng cấp đường Trạm Tàu (Yên Bái) - Bắc Yên (Sơn La); đường Văn Yên (Yên Bái) với Văn Bàn (Lào Cai); đường Lục Yên (Yên Bái) - Bảo Yên (Lào Cai); đường Văn Chấn (Yên Bái) với Yên Lập (Phú Thọ)...

phòng - an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Chủ động phối hợp triển khai các hoạt động liên kết phát triển du lịch với 08 tỉnh vùng Tây Bắc mở rộng và thành phố Hồ Chí Minh.

II. THỰC HIỆN 03 ĐỘT PHÁ CHIẾN LƯỢC ĐẠT KẾT QUẢ TÍCH CỰC

1. Ban hành đồng bộ, kịp thời cơ chế, chính sách gắn với đổi mới phương thức quản lý, điều hành, cải cách hành chính và chế độ công vụ, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh, quyết liệt chuyển đổi số, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển. Hoàn thành Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, các quy hoạch vùng huyện, quy hoạch đô thị, nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành và ban hành đồng bộ 11 nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy, 80 nghị quyết, chỉ thị, quy định, đề án của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, 56 nghị quyết, 87 đề án, chính sách của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh với nhiều vấn đề mới, sáng tạo, mang tính tiên phong trong cả nước²⁴, góp phần phát huy lợi thế, khơi thông nguồn lực, tháo gỡ những điểm nghẽn, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị tinh gọn, trong sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và chỉ số hạnh phúc cho nhân dân. Đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền, nhất là tài chính ngân sách, đất đai, xây dựng cơ bản, quản lý cán bộ, công chức, viên chức... gắn với tăng cường trách nhiệm người đứng đầu, kết hợp chú trọng hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, thanh tra bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu lực, hiệu quả. Quyết liệt cải cách hành chính²⁵ và chế độ công vụ gắn với chuyển đổi số mạnh mẽ trên cả 03 trụ cột: Chính quyền số²⁶, Kinh tế số và Xã hội số, thiết thực nâng cao hiệu quả quản lý xã hội, chất lượng phục vụ của chính quyền và sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp; so với 63 tỉnh, thành phố, chỉ số cải cách hành chính của tỉnh PAR INDEX năm 2024 xếp thứ ..., tăng ... bậc so với 2020; chỉ số hài lòng của doanh nghiệp, người dân về sự phục vụ của các cơ quan hành chính SIPAS xếp thứ, tăng ... bậc so với 2020; tỷ trọng kinh tế số đóng góp vào GRDP của tỉnh năm 2025 ước đạt 13,5%, tăng gấp 02 lần so với năm 2020, đạt mục tiêu Nghị quyết.

2. Quy mô và chất lượng nguồn nhân lực có bước được nâng lên, đáp ứng tốt hơn nhu cầu phát triển. Ban hành và thực hiện tốt các nghị quyết, cơ chế, chính sách, đề án về phát triển nguồn nhân lực, đào tạo nghề, chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn; tiếp tục quan tâm đầu tư, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Trường Cao đẳng nghề Yên Bái và hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp của tỉnh. Tổng số lao động toàn tỉnh năm 2025 ước đạt khoảng 370.000 người, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo trên 70% (tỷ lệ có văn bằng, chứng chỉ trên 40%), vượt mục tiêu Nghị quyết, góp phần tăng năng

²⁴ Quy định về thực hiện văn hóa, đạo đức trong Đảng; Quy định về trách nhiệm nêu gương đưa vào chi tiêu Nghị quyết Đại hội; Quy định về bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung...

²⁵ Rà soát, đơn giản hóa, rút ngắn thời gian thực hiện gần 45%, tăng 5% so với nhiệm kỳ trước; có 4.000 dịch vụ công trực tuyến cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, chiếm 70% tổng số thủ tục hành chính.

²⁶ Nền tảng công dân số tỉnh Yên Bái (Yên Bái-S); nền tảng Bàn làm việc số tỉnh Yên Bái; nền tảng quản lý hoạt động của các tổ chuyên đổi số cộng đồng; nền tảng Sổ tay đảng viên điện tử tỉnh Yên Bái; nền tảng Trợ lý ảo hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Yên Bái

suất lao động xã hội bình quân từ 5,37%/năm giai đoạn 2016-2020 lên 6,2%/năm giai đoạn 2021-2025, đạt mục tiêu Nghị quyết; số lao động sau đào tạo có việc làm, thu nhập ổn định duy trì ở mức trên 80%, tương đương nhiệm kỳ trước. Đặc biệt, với việc ban hành chính sách hỗ trợ đưa lao động đi làm việc tại nước ngoài đã góp phần tích cực nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chuyển dịch cơ cấu lao động, tạo việc làm và thu nhập cao cho một bộ phận lao động khu vực nông nghiệp, nông thôn, hộ nghèo, hộ cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số. Cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp bình quân giảm 2,0%/năm, từ 62% năm 2020 còn khoảng 52% năm 2025.

Tiếp tục cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị gắn với tinh giản biên chế, sắp xếp, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng bảo đảm tiêu chuẩn chính trị, chuyên môn và yêu cầu vị trí việc làm, nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức. Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức khối hành chính, sự nghiệp có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên đạt 76,5%, tăng gần 3% so với năm 2020 (trong đó trình độ sau đại học chiếm 6,9%); tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã có trình độ chuyên môn đại học, cao đẳng đạt khoảng 93%, tăng 41,5% so với năm 2020. Tuyển chọn, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng được 210 cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số vào Đề án số 11-ĐA/TU ngày 08/8/2018 của Tỉnh ủy về xây dựng và tạo nguồn đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đến năm 2030, định hướng đến năm 2035 (tăng 60 người so với năm 2020), đến nay có 125 đồng chí thay đổi vị trí công tác theo hướng tích cực (78 người được bổ nhiệm chức vụ cao hơn, 22 người được bổ nhiệm, bầu cử giữ các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý), tạo nguồn cán bộ kế cận đủ về số lượng, có chất lượng cho trước mắt và lâu dài.

3. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông được đầu tư ngày càng hoàn thiện. Giai đoạn 2021-2025 đã huy động, lồng ghép khoảng 100.000 tỷ đồng²⁷ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, gấp 1,6 lần giai đoạn 2016-2020, đạt mục tiêu Nghị quyết, tập trung cho các dự án trọng điểm, dự án ứng phó thiên tai, biến đổi khí hậu, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Đến nay đã hoàn thành gần 1.500 công trình hạ tầng đô thị, nông thôn mới, thủy lợi, trụ sở..., tăng 25% so với giai đoạn trước, hoàn thành thêm 01 cầu bắc qua sông Hồng, đưa Yên Bái trở thành một trong 03 tỉnh có nhiều cầu nhất trên sông Hồng (08 cầu, sau tỉnh Lào Cai và thành phố Hà Nội), hoàn thành trên 2.600 km đường giao thông nông thôn, vượt 30% mục tiêu Nghị quyết, gấp 2,6 lần giai đoạn 2016-2020, góp phần nâng tỷ lệ đường giao thông nông thôn được bê tông hóa toàn tỉnh đạt gần 83%; hoàn thành 20/26 công trình trọng điểm²⁸, có ý nghĩa

²⁷ Khoảng 25% đầu tư hạ tầng giao thông, tăng 5% so với giai đoạn 2016-2020.

²⁸ Bao gồm các dự án: (1) Đường nối Quốc lộ 37, Quốc lộ 32C với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, tỉnh Yên Bái; (2) Đường nối Quốc lộ 32 (thị xã Nghĩa Lộ) với tỉnh lộ 174 (huyện Trạm Tấu), tỉnh Yên Bái; (3) Đường nối Quốc lộ 32C với Quốc lộ 37 và đường Yên Ninh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái; (4) Cầu Giời Phiên, thành phố Yên Bái; (5) Nút giao IC13 cao tốc Nội Bài - Lào Cai; (6) Đường nối quốc lộ 32 với cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC14); (7) Cải tạo, nâng cấp đường Yên Thế - Vĩnh Kiên, huyện Lục Yên và huyện Yên Bình; (8) Cải tạo đường nối Quốc lộ 37 với cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC15); (9) Đường nối Quốc lộ 70, Quốc lộ 32C, Quốc lộ 37 với cao tốc Nội Bài - Lào Cai; (10) Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Trạm Tấu (Yên Bái) - Bắc Yên (Sơn La); (11) Dự án "Phát triển tổng

kinh tế, chính trị, xã hội, nhất là các công trình hạ tầng giao thông huyết mạch, góp phần đẩy nhanh liên kết nội tỉnh cũng như kết nối với các tỉnh trong vùng, tạo diện mạo khung trang từ vùng thấp đến vùng cao. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 26%, thành phố Yên Bái được công nhận là đô thị loại II; chất lượng sống, sinh hoạt của người dân được nâng lên với tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch đạt trên 91%; tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 98%, 100% thôn, bản đã có điện với số hộ được sử dụng điện đạt trên 99%; 100% các xã và 80% thôn, bản có cáp quang băng thông rộng cung cấp dịch vụ internet, đạt mục tiêu Nghị quyết.

III. CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ ĐẠT NHIỀU KẾT QUẢ QUAN TRỌNG

1. Xây dựng Đảng bộ tỉnh vững mạnh về chính trị. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ việc cụ thể hóa, thể chế hóa chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thành chương trình, kế hoạch hành động, các nghị quyết, đề án của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh với chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, chi tiết, phân công rõ cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp; đồng thời tập trung nâng cao hiệu quả khâu tổ chức thực hiện gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát, góp phần đưa nghị quyết của Đảng thực sự đi vào cuộc sống. Phát huy cao độ tinh thần đoàn kết thống nhất cao trong Đảng, thực hành dân chủ gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương của Đảng; không ngừng nâng cao bản lĩnh chính trị của cấp ủy, tổ chức đảng và của mỗi cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp. Triển khai thực hiện nghiêm túc việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII, Kết luận số 21-KL/TW của Hội nghị Trung ương 4 khóa XIII. Quan tâm chỉ đạo gợi ý kiểm điểm đối với những tập thể, cá nhân để xảy ra những vấn đề phức tạp, dư luận bức xúc, có biểu hiện mất đoàn kết, tham nhũng, tiêu cực, vi phạm quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Sau kiểm điểm, chỉ đạo xây dựng, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch khắc phục khuyết điểm, hạn chế gắn với chức trách, nhiệm vụ được giao, góp phần tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng; đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; nâng cao bản lĩnh chính trị, vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, chủ chốt các cấp.

2. Công tác tư tưởng, lý luận có nhiều đổi mới, tạo sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng và toàn xã hội. Nắm chắc tình hình, thực hiện hiệu quả công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; tích cực tuyên truyền, giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa tốt đẹp của Đảng bộ và quê hương, con người Yên Bái tới đông đảo cán bộ, đảng viên và

hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án thành phố Yên Bái"; (12) Trung tâm Hội nghị tỉnh Yên Bái; (13) Trụ sở Tỉnh ủy và các ban Đảng; (14) Đường nối Tỉnh lộ 163 với cao tốc Nội Bài - Lào Cai; (15) Kè chống sạt lở một số điểm trên suối Ngòi Thia và suối Ngòi Hút tỉnh Yên Bái; (16) Đường Sơn Lương - Nậm Mười - Sùng Đô, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái; (17) Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng Đô thị thông minh tỉnh Yên Bái; (18) Đường nối quốc lộ 32 với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC15); (19) Kè chống sạt lở và phát triển cơ sở hạ tầng hai bờ sông Hồng, tỉnh Yên Bái; (20) Đường nối Quốc lộ 70, Quốc lộ 32C, Quốc lộ 37 với cao tốc Nội Bài - Lào Cai.

nhân dân; chú trọng xây dựng, nhân rộng và biểu dương cách làm hay, sáng tạo, gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; kịp thời ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị được đổi mới cả về nội dung và phương pháp, chất lượng từng bước được nâng lên, khắc phục cơ bản tình trạng lười học, ngại học lý luận chính trị, dạy và học hình thức. Quan tâm đầu tư cơ sở vật chất; xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên chuyên trách gắn với củng cố, kiện toàn đội ngũ giảng viên góp phần đưa Trường Chính trị tỉnh đạt chuẩn mức độ I trước 02 năm so với kế hoạch. Công tác lý luận, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn có nhiều tiến bộ, đổi mới. Công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử, truyền thống đảng bộ được thực hiện nghiêm túc, chất lượng nâng lên, góp phần giáo dục bồi đắp lòng tự hào về truyền thống vẻ vang của Đảng bộ tỉnh, nâng cao tinh thần cách mạng, yêu nước cho các thế hệ cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh.

3. Xây dựng Đảng vững mạnh về đạo đức. Là địa phương đầu tiên trong cả nước ban hành và thực hiện bài bản, nghiêm túc Quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện văn hóa, đạo đức trong Đảng và hệ thống chính trị; phát huy cao độ tinh thần tự giác tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng, tích cực “tự soi”, “tự sửa” của đội ngũ cán bộ, đảng viên, qua đó, tạo sự chuyển biến tích cực, rõ nét về tác phong, lề lối làm việc, nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao. Quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc các quy định về trách nhiệm nêu gương theo đúng phương châm “trên trước, dưới sau”, “trong trước, ngoài sau”, “học tập đi đôi với làm theo” gắn với việc kiểm điểm, tự phê bình của cán bộ, đảng viên. Hằng năm, tỷ lệ cán bộ, đảng viên thực hiện tốt trách nhiệm nêu gương đạt trên 93%, gấp hơn 1,4 lần mục tiêu Nghị quyết, trong đó cán bộ lãnh đạo đạt trên 97%, gấp gần 1,5 lần mục tiêu Nghị quyết. Tiếp tục xây dựng và nhân rộng và tạo sức lan tỏa sâu rộng trong xã hội về các mô hình, điển hình tiên tiến trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh²⁹.

4. Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Chức năng, nhiệm vụ, quy chế làm việc của các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị được rà soát, bổ sung thường xuyên, kịp thời, cơ bản khắc phục sự trùng lặp, chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động. Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tiếp tục được kiện toàn, sắp xếp tinh gọn hơn; giai đoạn 2021-2025, toàn tỉnh đã giảm 28 đầu mối cơ quan, đơn vị so với năm 2020 (gồm 19 đơn vị sự nghiệp và 09 đầu mối bên trong các cơ quan hành chính). Tổ chức triển khai thí điểm các mô hình mới, kịp thời sơ kết, tổng kết và kết thúc thí điểm một số mô hình mới về tổ chức bộ máy, kiêm nhiệm các chức danh theo đúng chỉ đạo, định hướng của Trung ương³⁰.

²⁹ Toàn tỉnh có 16.200 tập thể, cá nhân đăng ký xây dựng mô hình, điển hình tiên tiến giai đoạn 2021-2025, tăng so với giai đoạn 2016-2020, trong đó có hơn 2.200 tập thể, cá nhân được khen thưởng ở các cấp.

³⁰ Dùng thực hiện mô hình Văn phòng Tỉnh ủy phục vụ chung các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; mô hình hợp nhất cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy với cơ quan chuyên môn thuộc chính quyền cùng cấp; mô hình cơ quan tham mưu giúp việc chung khối MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện, bộ phận

Hoàn thành sắp xếp, giảm 05 đơn vị hành chính cấp xã, đến nay, tỉnh còn 168 đơn vị hành chính cấp xã (gồm 146 xã, 12 phường và 10 thị trấn). Tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế gắn với xây dựng danh mục vị trí việc làm, khung năng lực, bản mô tả vị trí việc làm của hệ thống chính trị, bảo đảm tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị, đảm bảo ổn định, không làm ảnh hưởng đến hoạt động của các cơ quan, đơn vị, tổ chức; giai đoạn 2021-2025 đã giảm 1,4% biên chế công chức và 3,5% biên chế viên chức so với năm 2020, vượt chỉ tiêu Trung ương giao.

5. Củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên. Ban hành Nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy về nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của cấp ủy, tổ chức đảng, trọng tâm là cấp ủy cơ sở và cấp trên trực tiếp cơ sở, góp phần xây dựng Đảng bộ tỉnh thực sự trong sạch, vững mạnh toàn diện. Củng cố, xây dựng các loại hình tổ chức cơ sở đảng đồng bộ với sắp xếp bộ máy hành chính, cơ quan, đơn vị; thực hiện quyết liệt, hiệu quả chủ trương bí thư cấp ủy đồng thời là người đứng đầu cơ quan, đơn vị³¹. Triển khai bài bản, hiệu quả Đề án số 11-ĐA/TU ngày 28/10/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Sổ tay đảng viên điện tử tỉnh Yên Bái với 91% đảng viên sử dụng thường xuyên, từng bước đưa sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ đi vào nề nếp. Xây dựng được gần 10% “Chi bộ kiểu mẫu” gắn với “chi bộ bốn tốt”, tạo chuyển biến rõ nét trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Công tác kết nạp, quản lý, rèn luyện đảng viên được tăng cường gắn với rà soát, sàng lọc, đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng; đẩy mạnh phát triển đảng viên trẻ, đảng viên là người dân tộc thiểu số, đảng viên khu vực ngoài nhà nước, bình quân mỗi năm kết nạp khoảng 1.900 đảng viên, trong đó có 5% đảng viên trong doanh nghiệp, vượt mục tiêu Nghị quyết. Số tổ chức cơ sở đảng được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên đạt 90%/năm, vượt mục tiêu Nghị quyết.

6. Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp trong tỉnh được kiện toàn đảm bảo về số lượng, cơ cấu hợp lý, tỷ lệ cán bộ trẻ, nữ, dân tộc thiểu số giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và tham gia cấp ủy các cấp ngày càng tăng, chất lượng từng bước nâng lên, đáp ứng yêu cầu công tác cán bộ trước mắt và lâu dài. Đổi mới về quy trình nhận xét, đánh giá cán bộ đảm bảo thực chất, khách quan, gắn với phương thức “giao nhiệm vụ, khoán sản phẩm”, lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ làm căn cứ đánh giá cán bộ; hằng năm, tỷ lệ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên bình quân đạt trên 98%, vượt mục tiêu Nghị quyết. Đổi mới hình thức, nội dung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đáp ứng nhu cầu thực tiễn. Thực hiện hiệu quả kế hoạch luân chuyển cán bộ gắn với quy hoạch³², bố trí, sử dụng, đào tạo cán bộ và sắp xếp

giúp việc chung khối MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã; mô hình chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp huyện đồng thời là chánh thanh tra cấp huyện; trường ban tổ chức cấp ủy cấp huyện đồng thời là trường phòng nội vụ; chánh văn phòng cấp ủy cấp huyện đồng thời là chánh văn phòng hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân.

³¹ Toàn tỉnh có 214/243 bí thư cấp ủy đồng thời là thủ trưởng cơ quan đơn vị; 134/173 bí thư đồng thời là chủ tịch hội đồng nhân dân cấp xã; 04/173 bí thư đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã.

³² Quy hoạch Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh có 63 người; trẻ chiếm 11,1% (cao hơn 2,9% nhiệm kỳ trước); nữ chiếm 20,6% (cao hơn 0,9% nhiệm kỳ trước); dân tộc thiểu số chiếm 20,6%. Quy hoạch Ban Thường vụ Tỉnh ủy có 19 người, trong đó trẻ 02 người, chiếm 10,5%, nữ 04 người, chiếm 21%; dân tộc thiểu số 04 người, chiếm 21%.

nhân sự cấp ủy nhiệm kỳ 2020-2025 bảo đảm chất lượng và có cơ cấu hợp lý để chuẩn bị tốt nguồn nhân sự đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo của sở, ban, ngành và phù hợp với định hướng phát triển của địa phương³³. Bố trí, sử dụng cán bộ hợp lý³⁴, đảm bảo tiêu chuẩn, cơ cấu tiêu chuẩn chức danh gắn với thực hiện nghiêm quy định về miễn nhiệm, từ chức, sàng lọc, đưa ra khỏi bộ máy những cán bộ không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; triển khai nghiêm túc, hiệu quả chủ trương bố trí một số chức danh cán bộ lãnh đạo không là người địa phương. Thực hiện kịp thời, đúng chế độ, chính sách đối với cán bộ, nhất là cán bộ dôi dư do sắp xếp tổ chức, bộ máy, tinh giản biên chế. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả.

7. Công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng được đẩy mạnh, góp phần xây dựng, chỉnh đốn Đảng, giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật của Đảng. Lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các văn bản về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng theo tinh thần đổi mới, thiết thực, hiệu quả; ban hành và tổ chức thực hiện hiệu quả Đề án của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát giai đoạn 2021-2025. Tiếp tục đổi mới trong xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát bảo đảm nguyên tắc “giám sát mở rộng”, “kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm”, tập trung vào các lĩnh vực, địa bàn, vị trí công tác phức tạp, nhạy cảm, dễ phát sinh sai phạm, dư luận xã hội quan tâm; hạn chế tối đa việc chòng chéo, trùng lặp về nội dung, thời gian, đối tượng kiểm tra, giám sát thông qua việc định hướng định hướng xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát, thanh tra hàng năm của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm. Trong nhiệm kỳ số tổ chức đảng, đảng viên được kiểm tra tăng 724 tổ chức, 1355 đảng viên; số được giám sát tăng 150 tổ chức đảng, 3262 đảng viên; kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm tăng 25 tổ chức đảng, 220 đảng viên, 136 cấp ủy viên; số bị xử lý kỷ luật tăng 05 tổ chức đảng, giảm 45 đảng viên, 27 cấp ủy viên so với nhiệm kỳ trước. Đồng thời, chú trọng đôn đốc, giám sát việc thực hiện thông báo, quyết định sau kiểm tra, giám sát; thực hiện tốt công tác xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Quan tâm luân chuyển cán bộ ngành kiểm tra Đảng và kiện toàn ủy ban kiểm tra, cơ quan ủy ban kiểm tra, xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra các cấp đủ bản lĩnh, phẩm chất, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

8. Công tác dân vận của hệ thống chính trị và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội được đổi mới theo hướng tích cực, hiệu quả; phát huy mạnh mẽ sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Phương pháp, nội dung công tác dân vận tiếp tục được đổi mới, hiệu quả ngày càng được nâng lên. Phong trào thi đua “Dân vận khéo” dần trở thành hoạt động thường xuyên,

³³ Đã luân chuyển 34 lượt cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý để đào tạo, rèn luyện qua thực tiễn công tác.

³⁴ Đối với cấp ủy cơ sở: Tỷ lệ trẻ chiếm 37,2%, tăng 17,5% so với nhiệm kỳ trước; nữ chiếm 22,7%, tăng 1,6% so với nhiệm kỳ trước; dân tộc thiểu số 38,4%, tăng 1,9% so với nhiệm kỳ trước. Cấp ủy cấp trên cơ sở: Tỷ lệ trẻ đạt 19,1%, nữ đạt 20,6%, dân tộc thiểu số đạt trên 32%. Cấp ủy cấp tỉnh: Tỷ lệ trẻ đạt 10,4% (cao hơn nhiệm kỳ trước); nữ đạt 16,7% (tương đương nhiệm kỳ trước); dân tộc thiểu số đạt 27,1% (tương đương nhiệm kỳ trước).

lan tỏa sâu rộng trong toàn xã hội³⁵. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dân vận trong các cơ quan nhà nước, lấy tuyên truyền, vận động, thuyết phục là chính, khắc phục cơ bản lối làm việc quan liêu, mệnh lệnh hành chính. Công tác dân vận đối với đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào tôn giáo có nhiều đổi mới, phát huy tốt vai trò của đội ngũ bí thư chi bộ, trưởng thôn, bản, tổ dân phố, trưởng ban công tác mặt trận, người có uy tín trong cộng đồng tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia các phong trào thi đua yêu nước, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững. Ban hành và duy trì thực hiện hiệu quả Kế hoạch ngày cuối tuần cùng dân và doanh nghiệp, Chương trình Cafe doanh nhân, qua đó, kịp thời nắm bắt, giải quyết tâm tư, nguyện vọng, kiến nghị chính đáng của doanh nghiệp và nhân dân ngay từ cơ sở. Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở; tôn trọng, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, không ngừng củng cố, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội các cấp tích cực tuyên truyền, vận động, tập hợp hội viên, đoàn viên và quần chúng nhân dân, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, khơi dậy ý chí tự lực, tự cường và khát vọng vươn lên, thi đua thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội và tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh. Hoàn thiện đồng bộ cơ chế, chính sách, tổ chức bộ máy của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong việc tham gia xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, trong hoạt động “tự chủ - tự quản” theo pháp luật. Đổi mới nội dung, hình thức tiếp xúc, đối thoại với nhân dân; lắng nghe, tổng hợp, đề xuất với các cơ quan có thẩm quyền kịp thời giải quyết nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Quán triệt tư tưởng “dân là gốc” và phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” làm nền tảng cốt lõi cho hoạt động của mặt trận tổ quốc và các tổ chức thành viên; phát huy vai trò của nhân dân trong việc ban hành, tổ chức thực hiện và giám sát việc thực hiện các chủ trương, cơ chế, chính sách. Tỷ lệ quần chúng tham gia vào hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội hằng năm đạt trên 80%, vượt kế hoạch đề ra.

9. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác nội chính; tích cực đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Chỉ đạo nghiên cứu, quán triệt đầy đủ, nghiêm túc chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và cải cách tư pháp, kịp thời cụ thể hóa để tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật và tình hình thực tiễn của địa phương. Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện quyết liệt, đạt kết quả tích cực. Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tỉnh được thành lập và phát huy vai trò chỉ đạo, phối hợp, đôn đốc, kiểm tra, giám sát công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu

³⁵ Trong nhiệm kỳ đã xây dựng được trên 5.000 mô hình dân vận khéo.

cực tại Đảng bộ tỉnh³⁶. Kịp thời quán triệt, triển khai, phổ biến, tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, tạo sự chuyển biến rõ nét về nhận thức, hành động của cả hệ thống chính trị, cộng đồng xã hội và các tầng lớp Nhân dân. Chỉ đạo ban hành nhiều văn bản nâng cao khả năng nhận diện các hành vi, kiểm soát quyền lực và phòng chống tham nhũng, tiêu cực. Thường xuyên rà soát, bổ sung, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, hệ thống tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền theo thẩm quyền, tập trung vào các lĩnh vực: quy hoạch, đất đai, đầu tư xây dựng, đấu thầu, quản lý, sử dụng tài chính, ngân sách, tài sản nhà nước... Góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực nhà nước và phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án được thực hiện đồng bộ; chất lượng điều tra, truy tố, xét xử được nâng lên; có sự phối hợp thường xuyên, chặt chẽ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, xử lý kịp thời, nghiêm minh các vi phạm, tội phạm, không để xảy ra oan, sai, bỏ lọt tội phạm³⁷. Công tác thanh tra được đẩy mạnh với 765 cuộc thanh tra, tập trung vào các lĩnh vực, địa bàn trọng điểm, nhạy cảm, dễ phát sinh vi phạm, tiêu cực, tham nhũng, qua đó, đã phát hiện sai phạm với số tiền 18 tỷ đồng và 473 ha đất; 100% các vụ việc phát hiện có dấu hiệu tội phạm đều được chuyển đến Cơ quan điều tra giải quyết theo thẩm quyền; tỷ lệ thu hồi tiền và tài sản sai phạm sau thanh tra đạt trên 95%. Công tác cải cách tư pháp được triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả. Công tác hành chính tư pháp, hỗ trợ tư pháp từng bước được đẩy mạnh; hiệu quả tuyên truyền, phổ biến, giáo dục và ý thức chấp hành pháp luật của nhân dân được nâng lên. Thực hiện nghiêm túc công tác tiếp dân, xử lý, giải quyết các vụ việc, đơn thư khiếu nại, tố cáo, không để phát sinh phức tạp, tỷ lệ giải quyết đơn thư hàng năm đạt trên 97%. Duy trì thực hiện nghiêm quy định về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong việc tiếp công dân, đối thoại trực tiếp với nhân dân và xử lý những phát ánh, kiến nghị, đề xuất chính đáng của nhân dân, góp phần tạo sự đồng thuận trong toàn xã hội.

10. Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị có nhiều đổi mới, hiệu quả nâng lên. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã kịp thời cụ thể hóa, ban hành các nghị quyết chuyên đề, chỉ thị, đề án, quy định,.. toàn diện trên các lĩnh vực xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh để lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện bảo đảm Nghị quyết của Đảng sớm đi vào cuộc sống; gương mẫu tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, tôn trọng các nguyên tắc tổ chức và hoạt động, vai trò, tính tự chủ, năng động sáng tạo của chính quyền, mặt trận tổ quốc

³⁶ Đã chỉ đạo đưa vào 06 vụ vào diện Ban Chỉ đạo theo dõi, chỉ đạo, đến nay, Ban Chỉ đạo hiện đang theo dõi 03 vụ. Tổ chức được 08 cuộc kiểm tra, giám sát của Ban Chỉ đạo đối với các cấp ủy, tổ chức đảng trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

³⁷ Tỷ lệ thụ lý tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố đạt 100%. Tỷ lệ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố đạt trên 90%. Viện kiểm sát ra quyết định truy tố bị can đúng tội đạt trên 95%; 100% các vụ việc có dấu hiệu tội phạm đều được khởi tố vụ án để điều tra theo đúng quy định của pháp luật Tỷ lệ giải quyết án hình sự đạt trên 88%; án dân sự đạt trên 78%; án hành chính đạt trên 60%; tỷ lệ thi hành án dân sự xong trên tổng số án có điều kiện thi hành năm sau cao hơn năm trước.

và các đoàn thể chính trị - xã hội. Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc theo đúng quy định của Điều lệ Đảng, các chủ trương, định hướng của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy chế làm việc của cấp ủy; thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, quyết định theo đa số; giữ vững kỷ cương, kỷ luật công tác; bảo đảm thống nhất, đồng thuận cao, phát huy trí tuệ của tập thể và cá nhân. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng thông qua việc ban hành Chương trình hành động của Tỉnh ủy lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị hằng năm theo phương châm “Giao nhiệm vụ, khoán sản phẩm”; đẩy mạnh sắp xếp tổ chức, tinh gọn bộ máy gắn với cải cách hành chính và chế độ công vụ; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo, liêm chính, nói đi đôi với làm với phương châm “trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với nhân dân”; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp, ngày càng đáp ứng tốt hơn yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh nỗ lực đổi mới toàn diện các phương diện công tác, không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, hoàn thành tốt chương trình công tác, kế hoạch đề ra. Chủ động nghiên cứu, tích cực tham gia ý kiến góp ý vào các dự án Luật. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật được triển khai hiệu quả, góp phần nâng cao nhận thức pháp luật cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Hoạt động giám sát được đẩy mạnh, bảo đảm thực chất, trọng tâm, trọng điểm, nhất là những vấn đề liên quan đến nhiệm vụ chính trị của địa phương. Hoạt động tiếp xúc cử tri có nhiều đổi mới; phương thức tổ chức ngày càng phong phú, đa dạng, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Hoạt động của hội đồng nhân dân có nhiều đổi mới. Chất lượng ban hành các nghị quyết ngày càng được nâng lên, bảo đảm đúng thẩm quyền, tính hợp hiến, hợp pháp, tạo hành lang pháp lý thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân. Thực hiện giám sát thường xuyên, giám sát chuyên đề phù hợp, có trọng tâm, trọng điểm, chú trọng những vấn đề lớn, vấn đề bức xúc, nổi cộm được đông đảo cử tri và Nhân dân quan tâm. Hoạt động tiếp xúc cử tri được thực hiện nghiêm túc theo đúng quy định; tổng hợp đầy đủ, kịp thời các ý kiến, kiến nghị của cử tri để chuyển đến các cơ quan chức năng xem xét, giải quyết. Chất lượng đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp ngày càng được nâng lên, đáp ứng sự kỳ vọng, mong mỏi của cử tri và Nhân dân.

Công tác quản lý, điều hành của ủy ban nhân dân các cấp được đổi mới theo hướng dân chủ, minh bạch, quyết liệt, kỷ cương, hiệu quả. Tích cực đề xuất ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Nỗ lực thực hiện hiệu quả cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Năm 2024, xếp thứ .../63 tỉnh, thành phố về Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI (tăng ... bậc so với 2020); xếp thứ .../63 tỉnh, thành phố về Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh PAPI (tăng ... so với 2020). Đẩy mạnh sắp xếp tổ chức, tinh gọn bộ máy gắn với cải cách hành chính và chế độ công vụ; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức “chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo, liêm chính”.

B. TỒN TẠI, HẠN CHẾ

1. Về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh

Còn 02/19 chỉ tiêu chủ yếu Nghị quyết Đại hội XIX Đảng bộ tỉnh là GRDP bình quân đầu người và Tỷ lệ che phủ rừng không đạt mục tiêu đề ra³⁸; mục tiêu nâng cấp thị xã Nghĩa Lộ đạt tiêu chí đô thị loại III, huyện Mù Cang Chải cơ bản không còn là huyện nghèo chưa hoàn thành.

Kinh tế phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế. Quy mô kinh tế còn nhỏ; cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng chậm, năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp; liên kết sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị chưa bảo đảm yêu cầu; kinh tế số phát triển chậm; giá trị sản xuất nông nghiệp thấp, tỷ lệ sản phẩm qua chế biến chưa cao, chưa gắn kết chặt chẽ với thị trường tiêu thụ; sản xuất lâm nghiệp chưa trở thành đột phá trong kinh tế nông thôn, diện tích rừng gỗ lớn, rừng được cấp chứng chỉ FSC chưa đạt kế hoạch; xây dựng nông thôn mới tuy vượt mục tiêu nhưng có mặt chưa bền vững, nhất là tiêu chí môi trường, an ninh trật tự, kinh tế nông thôn vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn khó khăn.

Phát triển công nghiệp chưa trở thành động lực thúc đẩy tăng trưởng, tỷ trọng sản phẩm công nghệ cao, chế biến sâu hạn chế; chưa tận dụng được nhiều lợi thế của tỉnh để thu hút đầu tư phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo theo hướng thân thiện môi trường; hạ tầng khu, cụm công nghiệp và hiệu quả quản lý, sử dụng còn nhiều bất cập; chỉ số sản xuất công nghiệp thấp; tiểu thủ công nghiệp phát triển chậm; mục tiêu đưa Yên Bái trở thành trung tâm chế biến lâm sản của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ chưa đạt được. Hoạt động dịch vụ, thương mại, xuất khẩu chưa thật sự đa dạng, giá trị gia tăng chưa cao, quy mô nhỏ. Dịch vụ du lịch phục hồi nhanh nhưng còn bất cập, thiếu đồng bộ, chuyên nghiệp, năng lực cạnh tranh chưa cao. Chất lượng và hiệu quả thu hút đầu tư còn hạn chế, môi trường đầu tư, kinh doanh chưa thực sự thông thoáng và thuận lợi, thiếu hấp dẫn. Việc triển khai các dự án của doanh nghiệp đầu tư vào tỉnh có mặt chưa đáp ứng yêu cầu, một số dự án không thực hiện hoặc chậm tiến độ, nhất là trong lĩnh vực công nghiệp, du lịch, ảnh hưởng đến môi trường đầu tư, kinh doanh và phát triển kinh tế địa phương. Kinh tế tư nhân phát triển chậm, quy mô nhỏ, năng lực cạnh tranh thấp.

Chất lượng, hiệu quả lĩnh vực văn hóa - xã hội có mặt còn hạn chế. Cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục có nơi chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới toàn diện giáo dục - đào tạo; chất lượng giáo dục toàn diện, nhất là giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống ở nhiều nơi chưa được coi trọng. Đào tạo nghề, đặc biệt là đào tạo nghề cho lao động nông thôn chưa thực sự hiệu quả; chất lượng việc làm chưa cao, thiếu ổn định; chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp chậm. Việc thu hút, phát triển, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng được yêu cầu. Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe, khám, chữa bệnh cho nhân dân có mặt

³⁸ GRDP bình quân đầu người ước đạt 61,4 triệu đồng (mục tiêu Nghị quyết là 65 triệu đồng); Tỷ lệ che phủ rừng duy trì ổn định 63% (mục tiêu Nghị quyết là 65%).

chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là tuyến cơ sở. Vai trò của văn hóa trong xây dựng con người chưa đạt yêu cầu; còn sự chênh lệch về thụ hưởng văn hóa giữa nông thôn và đô thị, giữa vùng thấp với vùng đồng bào dân tộc thiểu số; nếp sống văn hóa, văn minh có mặt còn hạn chế; một số hủ tục lạc hậu của đồng bào dân tộc chưa được xóa bỏ triệt để. Giảm nghèo nhanh nhưng có nơi thiếu bền vững. Đời sống của một bộ phận người dân, đặc biệt là các khu vực bị ảnh hưởng của thiên tai, vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn.

Thực hiện đột phá chiến lược về xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và phát triển đô thị tuy đạt kết quả tích cực song vẫn còn một số công trình trọng điểm chưa hoàn thành, chậm tiến độ. Công tác tổ chức thực hiện, đưa nghị quyết vào cuộc sống vẫn là khâu yếu.

Quốc phòng, an ninh còn một số bất cập. Việc quán triệt và tổ chức thực hiện một số chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng, an ninh có mặt chưa hiệu quả; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội còn tiềm ẩn yếu tố phức tạp; đấu tranh phòng chống tệ nạn xã hội, tội phạm, nhất là tội phạm phi truyền thống, công nghệ cao gặp khó khăn; công tác phòng ngừa, phát hiện, xử lý tội phạm, vi phạm pháp luật còn có mặt hạn chế; hoạt động tôn giáo trái pháp luật vẫn còn diễn ra.

2. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của một số cấp ủy, tổ chức đảng, nhất là ở cơ sở có nơi chưa đáp ứng được yêu cầu. Đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt của các loại hình chi bộ nhiều nơi còn hạn chế. Vai trò tiên phong, gương mẫu của một bộ phận cán bộ, đảng viên, trong đó có cán bộ lãnh đạo, quản lý chưa được phát huy đầy đủ; một số cán bộ lãnh đạo ngành, địa phương vi phạm phải xử lý kỷ luật, xử lý hình sự. Khắc phục khuyết điểm, hạn chế sau kiểm điểm hằng năm theo yêu cầu Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII gắn với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị ở một số cấp ủy, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị chưa sát sao, nghiêm túc, quyết liệt; kết quả học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh chưa toàn diện, hiệu quả, có nơi còn hình thức. Nội dung, phương thức công tác chính trị, tư tưởng, thông tin, tuyên truyền có mặt chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Việc học tập, quán triệt, triển khai thực hiện nghị quyết của Đảng có nơi hiệu quả thấp. Công tác cán bộ vẫn còn những hạn chế, bất cập, nhất là việc đánh giá cán bộ; trình độ, năng lực, phẩm chất đạo đức, uy tín của một bộ phận cán bộ lãnh đạo, quản lý một số cấp ủy, chính quyền, địa phương, cơ sở còn hạn chế, chưa ngang tầm nhiệm vụ. Một số cấp ủy, ủy ban kiểm tra chưa chủ động trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát; thiếu quyết liệt, ngại va chạm, chất lượng, hiệu quả kiểm tra, xử lý và tham mưu xử lý vi phạm còn hạn chế. Nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên, nhân dân về công tác dân vận chưa thực sự đầy đủ, sâu sắc. Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, có mặt chưa hiệu quả; một số biện pháp phòng ngừa tham nhũng chưa được thực hiện nghiêm túc, quyết liệt; việc tự phát hiện tham nhũng, tiêu cực tại cơ quan, đơn vị, địa phương còn yếu. Công tác tiếp công dân có nơi chưa được quan tâm đúng mức; một số vụ việc khiếu nại, tố cáo chưa được giải quyết kịp thời, triệt để.

Hiệu lực, hiệu quả công tác giám sát của hội đồng nhân dân các cấp, nhất là cấp xã chưa cao. Hoạt động của chính quyền còn một số bất cập, nhất là quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực còn hạn chế; quản lý đầu tư xây dựng các công trình, dự án đầu tư công còn hạn chế, nhất là trong giải phóng mặt bằng, thi công các công trình và giải ngân các nguồn vốn chậm; quản lý đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường còn bất cập; tình trạng vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường còn diễn biến phức tạp, nhất là trong khai thác, chế biến khoáng sản và chế biến nông, lâm sản; năng lực dự báo, cảnh báo, phòng chống thiên tai có mặt còn yếu; chính quyền cơ sở ở một số nơi chưa kịp thời nắm bắt và giải quyết theo thẩm quyền các vấn đề phát sinh, gây bức xúc trong nhân dân.

Nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội chậm đổi mới, hiệu quả công tác vận động, tập hợp, đoàn kết, thuyết phục chưa cao; hoạt động giám sát đối với cơ quan nhà nước, các chương trình kinh tế - xã hội chưa hiệu quả; phản biện xã hội chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đề ra.

C. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT, NGUYÊN NHÂN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

I. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Nhiệm kỳ qua, trong bối cảnh còn nhiều khó khăn, thách thức, song Đảng bộ, chính quyền, lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc tỉnh Yên Bái đã đoàn kết, năng động, sáng tạo, tận dụng tối đa tiềm năng, lợi thế, khơi dậy mạnh mẽ sức mạnh nội sinh, nhất là sức mạnh con người; cụ thể hóa các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phù hợp với thực tiễn địa phương gắn với không ngừng đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cấp ủy, chính quyền các cấp; giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, kinh tế - xã hội - môi trường; phát huy vai trò Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ và xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc; thống nhất tư tưởng, khơi thông những điểm nghẽn, đẩy mạnh sức sản xuất xã hội, huy động mọi nguồn lực cho phát triển nhanh, toàn diện, bền vững và đã *đạt được nhiều thành tựu quan trọng, khá toàn diện trên các lĩnh vực.*

Kinh tế tiếp tục tăng trưởng khá, chất lượng tăng trưởng có mặt được nâng lên; thu hẹp dần khoảng cách phát triển giữa vùng thấp và vùng cao, giữa đô thị và nông thôn; cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng đạt kết quả tích cực, tạo nền tảng cho phát triển bền vững; thực hiện 03 đột phá chiến lược tiếp tục đạt kết quả quan trọng: (i) Hệ thống cơ chế, chính sách được hoàn thiện đồng bộ phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế, huy động và khơi dậy các nguồn lực, thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế, phát triển văn hóa - xã hội; cải cách hành chính có nhiều tiến bộ, chuyển đổi số nhanh với nhiều cách làm sáng tạo, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tiễn; môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện, thu hút đầu tư đạt kết quả tích cực; (ii) Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội

được đầu tư đồng bộ, hiệu quả, nhất là hạ tầng giao thông kết nối vùng và liên vùng, hạ tầng đô thị, hạ tầng nông thôn... góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tạo diện mạo đô thị và nông thôn ngày càng khang trang, hiện đại; (iii) Nguồn nhân lực, nhất là đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chất lượng được nâng lên, cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Xây dựng nông thôn mới đạt kết quả vượt bậc, *đi đầu các tỉnh trong khu vực Tây Bắc*. Chất lượng, hiệu quả văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ, bảo đảm mọi người dân đều được chăm lo, thụ hưởng các chế độ, chính sách an sinh, phúc lợi xã hội; gìn giữ và phát huy giá trị bản sắc văn hóa tốt đẹp của đồng bào các dân tộc, xây dựng hình ảnh con người Yên Bái *“thân thiện, nhân ái, đoàn kết, sáng tạo, hội nhập”*. Giảm nghèo nhanh, bền vững với nhiều cách làm sáng tạo, hiệu quả; đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện. Quốc phòng, an ninh được giữ vững, chính trị ổn định, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm; chủ động khắc phục nhanh chóng, kịp thời hậu quả thiên tai, sớm ổn định cuộc sống cho nhân dân. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng đạt nhiều kết quả quan trọng; phương thức lãnh đạo của Đảng và hoạt động của chính quyền không ngừng được đổi mới, ngày càng hiệu quả; năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các cấp ủy đảng được nâng lên; văn hóa, đạo đức trong Đảng được đẩy mạnh; tiếp tục chăm lo tạo nguồn cán bộ cán bộ trẻ, nữ, dân tộc cho cả trước mắt và lâu dài; phát huy cao độ sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc, khơi dậy ý chí, khát vọng vươn lên trong các tầng lớp nhân dân chung sức cùng cấp ủy, chính quyền thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của tỉnh.

Tuy nhiên, kinh tế của tỉnh phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế; quy mô nền kinh tế còn nhỏ, năng suất lao động và năng lực cạnh tranh thấp; giảm nghèo nhanh nhưng chưa thật sự bền vững, đời sống của một bộ phận người dân vùng cao, vùng dân tộc thiểu số còn khó khăn; chất lượng, hiệu quả trên một số lĩnh vực văn hóa - xã hội còn hạn chế; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội vẫn tiềm ẩn những yếu tố phức tạp; công tác phòng, chống tham nhũng có mặt hiệu quả chưa cao; vai trò tiên phong, gương mẫu của một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa được phát huy đầy đủ; còn 02/21 chỉ tiêu chủ yếu không đạt kế hoạch, các chỉ tiêu đưa Yên Bái trở thành tỉnh phát triển khá trong vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có mặt chưa bền vững.

II. NGUYÊN NHÂN

1. Nguyên nhân của thành tựu đạt được: Những kết quả tích cực đạt được trong 05 năm qua có cả nguyên nhân khách quan và chủ quan. Đó là kết quả của quá trình nỗ lực, phấn đấu liên tục, bền bỉ qua nhiều nhiệm kỳ đại hội Đảng bộ tỉnh; sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, thường xuyên của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ; sự phối hợp, ủng hộ, tạo điều kiện của các ban, bộ, ngành, đoàn thể Trung ương và các tỉnh bạn, cùng với sự thành công rất tốt đẹp của Đại hội lần thứ XIX Đảng bộ tỉnh và cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026. Nhưng nguyên nhân quan trọng nhất là tinh thần đoàn kết, thống nhất cao trong toàn Đảng bộ tỉnh với quan điểm chỉ đạo xuyên suốt *“kiên định về mục tiêu, linh hoạt về giải pháp”*; đặt dưới sự lãnh đạo toàn diện, sâu sát, hiệu quả của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban

Thường vụ Tỉnh ủy; cùng với sự đổi mới đồng bộ, hiệu quả cả về nội dung và phương thức hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội; sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, linh hoạt của Ủy ban nhân dân tỉnh; đặc biệt là sự đoàn kết, đồng lòng, ý chí tự lực, tự cường, khát vọng vươn lên của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân các dân tộc trong tỉnh phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế, vượt qua mọi khó khăn, thách thức “*biến nguy thành cơ*”, “*biến khó thành dễ*”, “*biến không thể thành có thể*”, quyết tâm, quyết liệt triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp để hoàn thành các mục tiêu Nghị quyết Đại hội lần thứ XIX Đảng bộ tỉnh đã đề ra.

2. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

Những hạn chế, khuyết điểm trong thực hiện Nghị quyết Đại hội XIX Đảng bộ tỉnh có nguyên nhân khách quan do Yên Bái là tỉnh miền núi nội địa, đa dân tộc, địa hình phức tạp, chia cắt, thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai, tỷ lệ hộ nghèo cao; quy mô nền kinh tế nhỏ, sức cạnh tranh thấp, nguồn lực đầu tư còn hạn chế, kết cấu hạ tầng chưa phát triển đồng bộ; ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh Covid-19, bất ổn của kinh tế, chính trị thế giới, khu vực; bất cập trong một số chính sách, pháp luật. Song, trực tiếp và quyết định là do nguyên nhân chủ quan.

Trước hết, do quá trình xác định mục tiêu, định hướng phát triển không lường hết được những khó khăn, thách thức, rủi ro phát sinh; đề ra một số chỉ tiêu, nhiệm vụ quá cao, chưa sát thực tiễn.

Thứ hai, năng lực cụ thể hóa và lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ của một số cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền còn hạn chế, chậm đổi mới, có mặt hiệu quả thấp; có địa phương lãnh đạo cấp ủy, chính quyền có lúc, có việc thiếu sâu sát cơ sở, không nắm chắc tình hình để giải quyết kịp thời khó khăn, vướng mắc; công tác phối hợp thực hiện nhiệm vụ của một số cơ quan, đơn vị cấp tỉnh với các địa phương thiếu đồng bộ, chặt chẽ.

Thứ ba, vai trò, trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị, lĩnh vực chưa cao; còn có tư tưởng trông chờ, thụ động, ỷ lại vào cấp trên; kỷ cương, kỷ luật chưa nghiêm; thiếu quyết tâm, quyết liệt, ngại khó, không sát sao trong chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ được giao. Trình độ, năng lực của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức các cấp chưa đáp ứng được yêu cầu; một số cán bộ, đảng viên, trong đó có cả cán bộ lãnh đạo chưa gương mẫu, thiếu rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, lối sống, thiếu tinh thần trách nhiệm, gây phiền hà, sách nhiễu đối với người dân, doanh nghiệp; cá biệt vi phạm quy định, pháp luật phải xử lý kỷ luật, xử lý hình sự.

III. MỘT SỐ KINH NGHIỆM

Một là, phát huy mạnh mẽ truyền thống đoàn kết, thống nhất trong Đảng và hệ thống chính trị, trước hết là trong Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và cấp ủy các cấp; không ngừng đổi mới phương thức lãnh đạo để xây dựng Đảng và hệ thống chính trị thực sự trong sạch, vững mạnh toàn diện, hoạt động

hiệu lực, hiệu quả; kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tiêu cực, tham nhũng. Chú trọng công tác cán bộ và chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; phát huy tinh thần trách nhiệm và vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu các cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị gắn liền với giữ vững kỷ cương, kỷ luật trong Đảng.

Hai là, quán triệt sâu sắc, thực hiện nghiêm túc quan điểm “Dân là gốc”; xác định Nhân dân là trung tâm, vừa là chủ thể, động lực của sự nghiệp đổi mới, mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ nguyện vọng, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; lấy sự hài lòng, tín nhiệm của Nhân dân làm thước đo đánh giá cán bộ và hiệu quả công việc. Khơi dậy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và sự chung sức, đồng lòng của Nhân dân hướng vào xây dựng quê hương, đất nước.

Ba là, nắm vững, vận dụng, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện sáng tạo, linh hoạt, hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phù hợp với điều kiện và yêu cầu thực tế của địa phương trên quan điểm phát triển bền vững, hài hòa giữa kinh tế với văn hóa - xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, ổn định chính trị và bảo đảm quốc phòng, an ninh; khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế, khơi thông các điểm nghẽn, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, nhất là nguồn lực xã hội.

Bốn là, nâng cao năng lực, chất lượng dự báo đúng tình hình, nhận diện đúng thời cơ, thách thức, chú trọng tạo đột phá để thúc đẩy phát triển; đồng thời quyết tâm, quyết liệt, năng động trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện trên nguyên tắc “*kiên định về mục tiêu, linh hoạt về giải pháp*”.

Năm là, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc; coi trọng công tác tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận gắn với công tác thi đua, khen thưởng thiết thực, hiệu quả; động viên, khích lệ, nhân rộng những mô hình hay, cách làm mới, những gương điển hình tiên tiến, lan tỏa những giá trị nhân văn, tốt đẹp, tạo đồng thuận cao trong xã hội.

Phần thứ hai

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN NHIỆM KỲ 2025-2030

Giai đoạn tới, hòa bình, hợp tác, phát triển vẫn là xu thế căn bản; toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và liên kết kinh tế tiến triển nhanh, Cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ tư, nhất là công nghệ trí tuệ nhân tạo AI, internet vạn vật, dữ liệu lớn... phát triển mạnh mẽ vừa tạo thời cơ, vừa đặt ra thách thức cho các quốc gia. Cục diện thế giới đang có diễn biến nhanh và phức tạp theo hướng đa cực, đa trung tâm, đa tầng nấc; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng

mở rộng, gay gắt; xu thế tự chủ chiến lược về kinh tế được đẩy mạnh; tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, biển đảo ở Biển Đông có chiều hướng căng thẳng, phức tạp hơn; xung đột, chiến tranh, bất ổn xã hội, biến đổi khí hậu và những thách thức an ninh phi truyền thống tiếp tục diễn biến khó lường.

Đất nước sau gần 40 năm đổi mới có cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế tiếp tục được nâng lên; vai trò lãnh đạo của Đảng ngày càng được củng cố, tăng cường; đời sống nhân dân không ngừng được nâng cao. Tuy nhiên, kinh tế - xã hội đất nước chưa thật bền vững, nhiều điểm nghẽn chưa được tháo gỡ, khơi thông, giải quyết triệt để; độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ vẫn tiềm ẩn nhiều thách thức; già hóa dân số, thiên tai, dịch bệnh, an ninh, chủ quyền trên không gian mạng, sự chống phá của các thế lực thù địch, phản động có mặt gay gắt, phức tạp hơn.

Tỉnh ta với những thành tựu quan trọng đạt được 35 năm tái lập, cùng với hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh ngày càng được hoàn thiện đồng bộ, đặc biệt là Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Quy hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, các Chương trình mục tiêu quốc gia, nhất là tư tưởng, quan điểm, định hướng phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới của dân tộc, cùng truyền thống đoàn kết, nhân ái, cần cù, sáng tạo và giá trị bản sắc, văn hóa tốt đẹp của con người Yên Bái sẽ tiếp tục là động lực cho giai đoạn phát triển mới. Tuy nhiên, tỉnh là về cơ bản vẫn là tỉnh miền núi còn nhiều khó khăn, hạn chế, phụ thuộc nhiều vào ngân sách Trung ương, quy mô nền kinh tế nhỏ, năng suất lao động và sức cạnh tranh thấp, kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ, thường xuyên chịu ảnh hưởng nặng nề của thiên tai, biến đổi khí hậu, đời sống của một bộ phận nhân dân, nhất là vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn khó khăn.

Bối cảnh đó đòi hỏi Đảng bộ, chính quyền, lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc trong tỉnh tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết, ý chí tự lực, tự cường, vượt qua khó khăn, thách thức, tận dụng thời cơ, nỗ lực, khát vọng vươn lên để đưa tỉnh ta phát triển nhanh, toàn diện, bền vững hơn trong giai đoạn mới.

A. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

I. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Quán triệt, vận dụng thực hiện sáng tạo đường lối, chủ trương, định hướng của Đảng, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước giai đoạn 2021-2030, Quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch ngành quốc gia, Quy hoạch vùng trung du và miền núi phía Bắc và Quy hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; lấy con người là trung tâm, chủ thể, động lực, nguồn lực cho phát triển, quyết tâm xây dựng Yên Bái phát triển nhanh, toàn diện, bền vững theo hướng “xanh, hài hòa, bản sắc và hạnh phúc”.

2. Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, tự chủ, tự lực, tự cường, khát vọng phát triển quê hương, đất nước; phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, quyền làm chủ của nhân dân và văn hóa, con người Yên Bái “*thân thiện, nhân ái, đoàn kết, sáng tạo, hội nhập*”; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; thu hút, trọng dụng nhân tài, phát triển nguồn nhân lực có chất lượng; tăng cường hội nhập quốc tế, liên kết, hợp tác, tận dụng thời cơ, huy động, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển.

3. Nhận diện sớm, phát huy nhanh mọi thời cơ, thuận lợi, vượt qua mọi khó khăn, thách thức để tiếp tục phát triển nhanh, bền vững. Phát triển kinh tế hài hòa với văn hóa, bảo vệ môi trường, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội. Tiếp tục phát triển kinh tế xanh, đồng bộ, phù hợp với điều kiện tự nhiên, bản sắc văn hóa và tiềm năng, lợi thế các vùng, miền, không đánh đổi môi trường, văn hóa và sự hài lòng của người dân lấy tăng trưởng đơn thuần. Phát triển mạnh mẽ, toàn diện văn hóa, quản lý phát triển xã hội bao trùm, an toàn, bền vững, bảo đảm an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, an ninh con người và an ninh xã hội, không ngừng nâng cao sự hài lòng về chất lượng cuộc sống và chỉ số hạnh phúc cho nhân dân.

4. Tăng cường quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên; xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân gắn với “*thế trận lòng dân*” vững chắc; tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm cuộc sống bình yên, hạnh phúc cho nhân dân.

5. Nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền, sức chiến đấu của Đảng; thắt chặt mối quan hệ mật thiết, hòa quyện giữa “*ý Đảng*” với “*lòng dân*”. Sắp xếp tổ chức, bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả gắn với xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực, uy tín, liêm chính, tâm huyết, thật sự vì nước, vì dân. Tiếp tục thực hiện phương thức “*giao nhiệm vụ, khoán sản phẩm*”, “*cá thể hóa trách nhiệm cá nhân*”, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cải cách triệt để thủ tục hành chính. Tăng cường kiểm tra, giám sát, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương của Đảng.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc và hệ giá trị văn hóa, con người Yên Bái “*thân thiện, nhân ái, đoàn kết, sáng tạo, hội nhập*”, ý chí tự lực, tự cường, khát vọng phát triển; tận dụng thời cơ, huy động, sử dụng hiệu quả tiềm năng, lợi thế và mọi nguồn lực; đẩy mạnh đổi mới, sáng tạo, ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, phát triển kinh tế - xã hội nhanh, toàn diện, bền vững theo hướng “*Xanh, hài hòa, bản sắc và hạnh phúc*”; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo đảm quốc phòng - an ninh, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, phấn đấu đưa Yên Bái nằm trong nhóm 05 tỉnh phát triển hàng đầu của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ vào năm 2030.

III. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Về kinh tế:

(1) Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn bình quân 5 năm 2026-2030 đạt 10,5%/năm. Tổng sản phẩm trên địa bàn bình quân đầu người năm 2030 đạt 111,9 triệu đồng.

(2) Cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn: Nông, lâm nghiệp, thủy sản 14,8%; công nghiệp - xây dựng 39%; dịch vụ 41,5%; thuế sản phẩm, trừ trợ cấp sản phẩm 4,7%.

(3) Tỷ trọng kinh tế số chiếm 13,5% tổng sản phẩm trên địa bàn.

(4) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn trên địa bàn 11.050 tỷ đồng.

(5) Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn giai đoạn 2026-2030 đạt 211.150 tỷ đồng.

(6) Tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 30%.

(7) Trong nhiệm kỳ có thêm 11 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 23 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 15 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; huyện Lục Yên, huyện Văn Chấn đạt chuẩn huyện nông thôn mới; huyện Yên Bình, huyện Văn Yên đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

2. Về xã hội

(8) Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân giai đoạn 2026-2030 đạt 9,5%/năm.

(9) Tuổi thọ trung bình người dân đạt 75 tuổi; số năm sống khỏe đạt tối thiểu 68,5 năm.

(10) Chỉ số hạnh phúc của người dân đạt 78,3%.

(11) Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 75%, trong đó Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 45%; Tỷ lệ chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp giai đoạn 2026-2030 đạt bình quân 1,5%/năm.

(12) Tỷ lệ hộ nghèo giai đoạn 2026-2030 giảm bình quân 2-2,5%/năm.

(13) Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 97%; có 13,5 bác sĩ/mười nghìn dân; 37 giường bệnh/mười nghìn dân.

3. Về môi trường

(14) Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 95%. Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh đạt 100%; trong đó, tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn đạt khoảng 50%.

(15) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý 98%. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý đạt 90%.

(16) Tỷ lệ chất thải y tế được thu gom, xử lý đạt 95%; Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt trên 98%.

(17) Tỷ lệ nước thải được thu gom, xử lý tại các khu dân cư đô thị đạt 100%, tại các khu dân cư nông thôn đạt 75%. 100% khu công nghiệp có hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

(18) Tỷ lệ che phủ rừng duy trì ổn định mức 63%.

4. Về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

(19) Tỷ lệ kết nạp đảng viên mới hằng năm đạt khoảng 3% tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ tỉnh.

(20) Số tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên hằng năm đạt từ 90% trở lên; số cán bộ, đảng viên thực hiện tốt trách nhiệm nêu gương hằng năm đạt từ 90% trở lên, trong đó cán bộ lãnh đạo trong hệ thống chính trị đạt từ 95% trở lên.

B. CÁC ĐỘT PHÁ CHIẾN LƯỢC VÀ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

I. VỀ CÁC ĐỘT PHÁ CHIẾN LƯỢC

1. Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện và thực hiện đồng bộ, hiệu quả chủ trương, cơ chế, chính sách của tỉnh, bảo đảm tính vượt trội, đột phá tạo hành lang pháp lý thuận lợi để khơi thông, huy động, quản lý, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển, các cơ hội mới tạo ra từ cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và xu thế vận động của đất nước, nhất là công nghệ số, trí tuệ nhân tạo; phát triển các mô hình, lực lượng sản xuất mới, phương thức kinh doanh mới theo hướng hiệu quả, xanh, bền vững. Xây dựng tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị các cấp tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền hợp lý, hiệu quả gắn với tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, hậu kiểm và kiểm soát quyền lực. Quyết liệt chuyển đổi số, cải cách hành chính, nhất là cải cách triệt để thủ tục hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao hiệu quả quản lý xã hội và chất lượng phục vụ nhân dân.

2. Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, nhất là công tác đánh giá cán bộ; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhất là cán bộ chủ chốt các cấp đủ uy tín, năng lực, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì sự phát triển; cơ cấu lại đội ngũ cán bộ gắn với tinh gọn tổ chức bộ máy, bảo đảm tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Tập trung phát triển nguồn nhân lực có chất lượng, quy mô, cơ cấu hợp lý, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới, trọng tâm là nhân lực khu vực nông nghiệp, nông thôn, nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số; tích cực thu hút, trọng dụng nhân tài, nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực, ngành nghề phù hợp.

3. Tập trung nguồn lực đầu tư hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, từng bước hiện đại, trọng tâm là hạ tầng giao thông kết nối vùng, liên vùng, hạ tầng khu, cụm công nghiệp, hạ tầng nông thôn mới, đô thị văn minh, hạ tầng khoa học, công nghệ thông tin, viễn thông, thúc đẩy hiệu quả chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng, thích ứng với biến đổi khí hậu; phấn đấu từng bước đưa Yên Bái trở thành thành Trung tâm kinh tế và văn hóa vùng Tây Bắc.

II. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị tinh gọn,

trong sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; tiếp tục đổi mới phương thức và nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị và xã hội. Xây dựng đội ngũ đảng viên, cán bộ các cấp, nhất là Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và cấp ủy các cấp, cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý thật sự có đức, có tài, ngang tầm nhiệm vụ. Kiểm soát quyền lực trong Đảng và chính quyền các cấp; đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, củng cố niềm tin và sự gắn bó của nhân dân.

2. Tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đẩy mạnh thu hút đầu tư, ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh, hướng tới phát triển xanh, bền vững. Cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng, phát triển mạnh kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới thực chất, văn minh, đáng sống. Phát triển công nghiệp thân thiện với môi trường, hàm lượng công nghệ cao, phù hợp với tiềm năng, lợi thế. Phát triển mạnh mẽ, đa dạng các ngành dịch vụ, thương mại gắn với thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, trọng tâm là dịch vụ du lịch xanh, bản sắc, hấp dẫn.

3. Nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả toàn diện lĩnh vực giáo dục, đào tạo, y tế, dân số, việc làm, phát triển nguồn nhân lực... nhằm khai thác và phát huy mạnh mẽ nguồn lực con người cho phát triển; không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống, sự hài lòng và chỉ số hạnh phúc cho nhân dân.

4. Khơi dậy mạnh mẽ khát vọng vươn lên, bản sắc văn hóa và hệ giá trị con người Yên Bái “thân thiện, nhân ái, đoàn kết, sáng tạo, hội nhập” gắn với đổi mới phương thức quản lý phát triển xã hội tiến bộ, công bằng, kỷ cương, bền vững; triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2030; phát huy quyền làm chủ của nhân dân và sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, thực sự trở thành nền tảng tinh thần, động lực và nguồn lực quan trọng cho sự phát triển.

5. Quan tâm đầu tư cho đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thu hẹp khoảng cách phát triển kinh tế - xã hội vùng cao với vùng thấp, giữa đô thị và nông thôn, trọng tâm là tiếp tục triển khai chất lượng, hiệu quả 03 chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững.

6. Củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, đáp ứng yêu cầu thực hiện hiệu quả hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; xây dựng lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, giữ vững ổn định an ninh chính trị, an ninh kinh tế, an ninh văn hóa, tư tưởng, trật tự an toàn xã hội.

C. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

I. TIẾP TỤC ĐỔI MỚI MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG; CƠ CẤU LẠI NỀN KINH TẾ; TẬP TRUNG PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, THỰC HIỆN TIẾN BỘ, CÔNG BẰNG XÃ HỘI; TĂNG CƯỜNG CỨNG CỐ QUỐC PHÒNG - AN NINH

1. Quán triệt và thực hiện hiệu quả quan điểm đổi mới trong xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách, tạo đột phá về hành lang pháp lý thuận lợi cho sự phát triển nhanh, bền vững. Bám sát chủ trương, định hướng, quy định, chỉ đạo của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ để đổi mới tư duy xây dựng, tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách theo hướng phù hợp thực tiễn, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, chủ thể, động lực, nguồn lực, vừa bảo đảm yêu cầu quản lý Nhà nước, quản lý xã hội, vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực, làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống (tiêu dùng, đầu tư công, xuất khẩu) và thúc đẩy các động lực tăng trưởng mới (khoa học công nghệ, chuyển đổi xanh...), giải quyết hài hòa các mối quan hệ giữa kinh tế - xã hội - môi trường; thường xuyên đánh giá chất lượng, hiệu quả cơ chế, chính sách sau ban hành để kịp thời điều chỉnh bất cập, mâu thuẫn. Tiếp tục quán triệt và cụ thể hóa quan điểm phát triển “xanh, hài hòa, bản sắc và hạnh phúc” vào các nghị quyết, đề án, cơ chế, chính sách của tỉnh để thực hiện hiệu quả *03 đột phá chiến lược, 06 nhiệm vụ trọng tâm* nhằm tận dụng tối đa cơ hội của quá trình đổi mới, hội nhập, tháo gỡ các điểm nghẽn, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới, sáng tạo, phát huy nguồn lực con người và bản sắc văn hóa, truyền thống cách mạng, sự cần cù và ý chí tự lực, tự cường của nhân dân các dân tộc, tạo động lực mới cho phát triển bền vững, bao trùm, hợp lý giữa các vùng, miền, các lĩnh vực của đời sống xã hội, đem lại sự hài lòng và lợi ích cho người dân về chất lượng cuộc sống, thiết thực nâng cao chỉ số hạnh phúc cho nhân dân.

2. Tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, phát triển xanh, bền vững

2.1. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng tăng tỷ trọng giá trị sản phẩm và lao động các ngành công nghiệp, dịch vụ; phát triển sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị gắn với xây dựng nông thôn mới thực chất, văn minh, đáng sống. Chuyển đổi mạnh mẽ tư duy phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn với ba yếu tố chủ đạo là *nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh*. Tiếp tục phát huy, tận dụng tối đa lợi thế sẵn có của từng vùng, địa phương trong tỉnh để tổ chức sản xuất nông nghiệp dựa trên nền tảng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hướng phát triển nông nghiệp hữu cơ, công nghệ cao, nông nghiệp số, nông nghiệp tuần hoàn, thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu gắn với công nghiệp chế biến, thương mại, dịch vụ du lịch hiệu quả, giá trị cao, bền vững; sắp xếp, bố trí không gian phát triển nông nghiệp, nông thôn bảo đảm tiết kiệm quỹ đất, chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng, cải thiện điều kiện vật chất, thuận tiện cho người dân trong sản xuất ổn định lâu dài. Mở rộng quy mô các vùng sản xuất hàng hóa tập trung theo hướng kinh tế hợp tác, thiết kế chính sách ưu đãi vượt trội, nhất là tiếp cận, tích tụ đất đai để thu hút mạnh doanh

nghiệp, hợp tác xã liên kết đầu tư mở rộng sản xuất, thu mua, chế biến, xây dựng thương hiệu và tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp chủ lực; hỗ trợ liên kết sản xuất giữa nông dân với nông dân, giữa nông dân với doanh nghiệp, hợp tác xã; tiếp tục đổi mới phương thức quản lý, vận hành, nâng cao tính tự chủ và chất lượng hoạt động của hệ thống dịch vụ nông nghiệp công. Đổi mới phương thức quản lý phát triển sản phẩm OCOP thực chất, hiệu quả, chuyển từ số lượng sang chất lượng; tập trung hỗ trợ các chủ thể duy trì, cải tiến chất lượng, nâng cấp tiêu chuẩn lên 4 sao, 5 sao, ổn định, mở rộng thị trường tiêu thụ, nâng cao giá trị các sản phẩm đã có; chỉ khuyến khích chủ thể có đủ điều kiện xây dựng mới các sản phẩm OCOP có chất lượng, chuỗi giá trị bền vững. Phấn đấu đưa tốc độ tăng trưởng bình quân ngành nông nghiệp giai đoạn 2026-2030 đạt từ 5,5%/năm trở lên; giá trị canh tác bình quân trên một diện tích đất nông nghiệp tập trung tăng lên khoảng 200 triệu đồng/ha.

Kiên trì vận động, hỗ trợ đồng bào vùng cao chuyển đổi từ sản xuất nhỏ lẻ, manh mún sang sản xuất hàng hóa 10 sản phẩm chủ lực, 10 sản phẩm đặc sản, hữu cơ đã có và một số sản phẩm mới³⁹ đạt tiêu chuẩn chứng nhận OCOP; tận dụng lợi thế đặc trưng về địa hình, khí hậu, cảnh quan, văn hóa, con người để phát triển sản xuất nông nghiệp đặc hữu gắn với du lịch canh nông, du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm; phát triển mạnh các hợp tác xã dịch vụ tổng hợp vừa cung cấp nông cụ, vật tư, vừa liên kết tiêu thụ sản phẩm; thiết thực nâng cao thu nhập, bảo đảm an sinh xã hội và an ninh lương thực. Tập trung thu hút doanh nghiệp, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ nâng cao năng suất, chất lượng gắn với cấp mã số vùng trồng, mã vạch sản phẩm, truy xuất nguồn gốc và áp dụng quy chuẩn quản lý chất lượng đối với 10 vùng sản xuất chuyên canh nông sản tập trung hiện hữu; đồng thời tiếp tục nghiên cứu, phát triển chắc chắn, hiệu quả theo chuỗi giá trị một số vùng sản xuất mới như: Vùng trồng cây cao su tại các huyện Văn Chấn, Văn Yên, thị xã Nghĩa Lộ; vùng trồng cây Mắc ca tại các huyện Văn Chấn, Mù Cang Chải, thị xã Nghĩa Lộ..., vùng trồng rau an toàn tại thành phố Yên Bái, thị xã Nghĩa Lộ và các huyện Yên Bình, Trấn Yên, Văn Yên, Mù Cang Chải, vùng trồng sắn tại các huyện Văn Yên, Yên Bình, Văn Chấn, Lục Yên. Từng bước hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao với quy mô phù hợp để dẫn dắt, lan tỏa, tạo sự phát triển nhanh, bền vững.

Chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng lâm nghiệp và chăn nuôi; chuyển đổi diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng các loại cây hoặc chăn nuôi thủy sản có giá trị kinh tế cao hơn. *Phát triển ngành chăn nuôi* theo hướng hình thành các vùng chăn nuôi hàng hóa tập trung theo phương thức công nghiệp, bán công nghiệp gắn với các trung tâm, cơ sở giết mổ, chế biến, tiêu thụ đảm bảo an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường; phấn đấu giá trị sản xuất ngành chăn nuôi giai đoạn 2025-2030 tăng 7%/năm, tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi lên 30% năm 2030. *Đẩy mạnh phát triển lâm nghiệp đa mục tiêu*, nâng cao chất lượng, hiệu quả rừng trồng gỗ lớn, phát triển dược liệu dưới tán rừng; trồng rừng bình quân hằng năm khoảng 15.000 ha, duy trì tỷ lệ che phủ

³⁹ Hoa Hồng, Mật ong (Mù Cang Chải), Các sản phẩm từ cá Hồ Thác Bà (Yên Bình), trồng cây Mắc ca (Văn Chấn)...

rừng đạt mức 63%; giá trị sản xuất lâm nghiệp giai đoạn 2026-2030 tăng 7%/năm, phần đầu tăng tỷ trọng ngành lâm nghiệp từ 34% năm 2025 lên 37% năm 2030; thực hiện đánh giá tiềm năng carbon trên địa bàn tỉnh nhằm xác định tiềm năng tín chỉ carbon, chuẩn bị sẵn cơ sở, điều kiện tham gia thị trường carbon theo lộ trình của Luật Bảo vệ môi trường. *Tiếp tục phát triển nuôi trồng thủy sản* theo hướng tập trung, thâm canh, bán thâm canh các loại thủy sản đặc sản, có giá trị cao (ba ba gai, cá tầm, cá nheo, cá lăng...) gắn với chế biến đa dạng các sản phẩm tại Thành phố Yên Bái và các huyện Yên Bình, Trấn Yên, Lục Yên, Văn Yên, Văn Chấn, Nghĩa Lộ với tổng diện tích khoảng 500 ha, nâng giá trị thu nhập bình quân trên diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản đến năm 2030 gấp 1,2 lần so với năm 2025.

Tiếp tục triển khai đồng bộ, toàn diện, thực chất, vững chắc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; trọng tâm là phát huy mạnh mẽ vai trò chủ thể, vừa là động lực, nguồn lực của người dân, kết hợp với sự vào cuộc trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực và sức mạnh trong nhân dân, quyết tâm chăm lo xây dựng nông thôn dân chủ, văn minh, bản sắc, nghĩa tình, môi trường cảnh quan không gian xanh, sạch, đẹp, an toàn, lành mạnh; người dân có sinh kế ổn định, hài lòng với cuộc sống và có chỉ số hạnh phúc cao. Hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng nông thôn đồng bộ, phù hợp với phương thức sản xuất, tập quán sinh hoạt và bản sắc văn hóa; nâng cao chất lượng tiêu chí môi trường, an ninh trật tự; phát triển mạnh các mô hình thôn, bản, làng văn hóa, du lịch. Cũng cố, nâng cao chất lượng tiêu chí 122 xã đã đạt chuẩn nông thôn mới gắn với đô thị hóa nông thôn theo quy hoạch; phần đầu đến năm 2030, có 07 đơn vị hành chính cấp huyện đạt chuẩn hoặc hoàn thành xây dựng nông thôn mới, huyện Trấn Yên đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, huyện Yên Bình và huyện Văn Yên đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; trên 91% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó trên 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, trên 23% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; thu nhập bình quân của người dân nông thôn tăng tối thiểu 20% so với năm 2025.

2.2. Phát triển công nghiệp thân thiện với môi trường, hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao, thúc đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế. Phần đầu tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp bình quân 5 năm 2026 - 2030 đạt khoảng 9%/năm. Tập trung phát triển các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chủ lực, có lợi thế cạnh tranh như: Chế biến nông lâm sản gắn với khai thác, phát triển vùng nguyên liệu, trọng tâm là chế biến gỗ rừng trồng công nghệ cao, chế biến thủy sản, các sản phẩm từ cây Quế, măng Bát Độ; khai thác và chế biến sâu khoáng sản; sản xuất vật liệu xây dựng cao cấp; cơ khí, điện tử, công nghiệp phụ trợ; phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo;... đồng thời, phát triển hợp lý một số ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động địa phương như dệt may, da giày. Tập trung giải quyết các khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ, thúc đẩy các nhà đầu tư đã được cấp chủ trương đầu tư triển khai dự án bảo đảm tiến độ. Đặc biệt ưu tiên, thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển mạnh hạ tầng các khu, cụm công nghiệp hiện đại, thân thiện với môi trường; đến năm 2030 phần đầu hoàn thiện

đồng bộ hạ tầng 03 khu công nghiệp: Phía Nam, Âu Lâu, Trấn Yên; mở rộng khu công nghiệp Minh Quân; hoàn thiện hạ tầng 06 cụm công nghiệp: Thịnh Hưng, Sơn Thịnh, Báo Đáp, Hưng Khánh, Đông An, Minh Quân; mở rộng 02 cụm công nghiệp: Âu Lâu, Yên Thế; rà soát, đưa ra khỏi quy hoạch hoặc giảm quy mô một số cụm công nghiệp không phù hợp; đồng thời quy hoạch, thu hút đầu tư phát triển mới 04 khu công nghiệp: Y Can, Đông An, Thịnh Hưng, Lục Yên và 16 cụm công nghiệp theo hình thức doanh nghiệp đầu tư, quản lý, vận hành phù hợp với quy hoạch và định hướng phát triển của tỉnh. Khôi phục, phát triển các làng nghề, kết hợp hài hòa giữa công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại; phát triển tiểu thủ công nghiệp nông thôn phù hợp với điều kiện của từng địa phương. Đẩy mạnh phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, liên kết chặt chẽ giữa công nghiệp với nông nghiệp và các ngành dịch vụ liên quan như: Thương mại, vận tải, logistics, xuất nhập khẩu... Phấn đấu giá trị sản xuất công nghiệp đến năm 2030 đạt trên 45.850 tỷ đồng, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng bình quân trên 15,1%/năm, tỷ trọng công nghiệp trong GRDP đạt khoảng 28%.

2.3. Phát triển đa dạng, chất lượng các ngành dịch vụ, thương mại; quyết tâm đưa du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh. Củng cố, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, giá trị gia tăng theo hướng đẩy mạnh số hóa, chuyển đổi số các ngành dịch vụ truyền thống như: giáo dục, y tế, viễn thông, ngân hàng, bảo hiểm. Tiếp tục phát triển các hình thức, các loại hình kinh doanh thương mại phù hợp với từng vùng, địa phương và nhu cầu xã hội; khuyến khích mở rộng hệ thống cửa hàng tiện lợi, trung tâm mua sắm, siêu thị, phát triển thương mại điện tử, mua sắm trực tuyến tại các đô thị, trung tâm huyện; rà soát, sắp xếp lại gắn với chuyển đổi mô hình hoạt động phù hợp (chợ đầu mối, chợ nông sản, chợ 4.0...) hệ thống chợ dân sinh truyền thống bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh và phục vụ du lịch. Tận dụng, phát huy lợi thế trong mối liên kết vùng, liên vùng và đối tác hợp tác trong các hành lang kinh tế của Vùng trung du và miền núi Bắc Bộ (Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, Phú Thọ - Vĩnh Phúc - Hà Nội - Hưng Yên - Hải Dương - Hải phòng, Hà Nội - Phú Thọ - Tuyên Quang - Bắc Kạn - Cao Bằng) để thu hút, phát triển mạnh các ngành dịch vụ hiện đại, giá trị gia tăng cao, như: vận tải, logistics, kho vận...; tham gia phát triển Vành đai hỗ trợ trung chuyển hàng hóa liên kết các trung tâm chế biến của Vùng với thị trường quốc tế, các sân bay, cảng biển lớn; phấn đấu đưa Yên Bái trở thành một trong các trung tâm Logistics của vùng Trung du và miền núi phía Bắc. Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến thương mại, mở rộng, đa dạng hóa thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu bền vững các sản phẩm hàng hóa lợi thế của tỉnh, khai thác hiệu quả cơ hội tiếp cận và mở rộng thị trường từ các Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam các nước; kết nối sâu rộng với thị trường Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, ASEAN; nghiên cứu liên kết xuất khẩu các sản phẩm thế mạnh tương đồng (lâm nghiệp, thủy sản nước ngọt, quế, măng tre...) với các địa phương có thị trường ổn định; phấn đấu đến năm 2030, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt khoảng 61.650 tỷ đồng, giá trị xuất khẩu hàng hóa đạt trên 1.200 triệu USD.

Ban hành và tập trung thực hiện quyết liệt Chiến lược phát triển ngành du lịch Yên Bái đồng bộ, chuyên nghiệp, độc đáo gắn với hình ảnh chủ đạo “Yên Bái - nơi hội tụ sắc màu Tây Bắc” với các dòng sản phẩm chủ đạo: Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng hài hòa với thiên nhiên; du lịch khám phá, trải nghiệm; du lịch văn hóa cộng đồng, lễ hội truyền thống; du lịch lịch sử, văn hóa, tâm linh; du lịch canh nông; du lịch thể thao, vui chơi, giải trí, mua sắm; du lịch kết hợp hội nghị, hội thảo, triển lãm, tổ chức sự kiện... mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc ở 04 vùng du lịch trọng điểm của tỉnh, gắn với đẩy mạnh liên kết phát triển du lịch với các tỉnh trong vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, với các vùng du lịch trong cả nước theo định hướng sản phẩm du lịch “con đường di sản Tây Bắc”; tiếp tục xây dựng và thực hiện hiệu quả chính sách thu hút đầu tư hạ tầng du lịch đồng bộ, phù hợp, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển; khuyến khích xã hội hóa trong bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, thắng cảnh, phục dựng các lễ hội, sinh hoạt văn hóa dân gian, các làng nghề; đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án du lịch đã được cấp chủ trương đầu tư, tập trung thu hút mạnh các dự án đầu tư phát triển du lịch xanh, khác biệt, hiện đại, phù hợp với định hướng và lợi thế; ưu tiên phát triển nhanh một số sân golf theo quy hoạch để sớm hình thành, khai thác các sản phẩm du lịch tiêu biểu, nổi trội, đưa hồ Thác Bà và Mù Cang Chải từng bước trở thành khu du lịch quốc gia, Suối Giàng (huyện Văn Chấn), Trạm Tấu, Văn Yên, Văn Hội (huyện Trấn Yên), khu văn hóa Nghĩa Lộ trở thành khu du lịch cấp tỉnh. Phân đầu đến năm 2030, Yên Bái trở thành một trong những điểm đến hấp dẫn, thân thiện, an toàn hàng đầu của khu vực Tây Bắc với thương hiệu “điểm đến an toàn, thân thiện, bản sắc, hấp dẫn, ấn tượng”, đón 2.500.000 triệu lượt khách du lịch với doanh thu đạt 4.300 tỷ đồng, chiếm khoảng 12,8% tổng giá trị sản xuất khu vực dịch vụ.

2.4. Cơ cấu lại tài chính, ngân sách, đầu tư công theo hướng chất lượng, hiệu quả, bền vững. Đánh giá kỹ lưỡng thực trạng và khả năng tăng trưởng kinh tế để xây dựng dự toán thu ngân sách phù hợp, sát thực, khả thi, có tính phân đầu cao theo hướng tăng tỷ trọng thu cân đối, thu xuất nhập khẩu, giảm tỷ trọng thu từ đất; quản lý và nuôi dưỡng, mở rộng nguồn thu bền vững, phù hợp với tăng trưởng kinh tế và khuyến khích phát triển sản xuất, kinh doanh; hoàn thiện cơ chế phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm điều tiết các nguồn thu giữa các cấp ngân sách hợp lý, nâng cao trách nhiệm, chủ động, sáng tạo trong quản lý ngân sách. Tiếp tục cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước, tăng tích lũy từ ngân sách nhà nước cho chi đầu tư phát triển, tập trung vào các ngành, lĩnh vực ưu tiên, đột phá, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng số; mở rộng hơn nữa cơ chế khoán chi, đặt hàng, đấu thầu trong giao dự toán, phân bổ ngân sách; đẩy nhanh tiến độ tự chủ trong các đơn vị sự nghiệp công gắn với khuyến khích xã hội hóa, huy động sự tham gia cung ứng dịch vụ công của các thành phần kinh tế. Quản lý, sử dụng ngân sách minh bạch, công khai, tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định, phòng, chống tham nhũng, lãng phí; bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế trọng điểm, chăm lo an sinh xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Tăng cường phân

cấp, ủy quyền gắn với trách nhiệm giải trình, trách nhiệm người đứng đầu trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công. Quản lý chặt chẽ và khai thác hiệu quả hoạt động của các tổ chức tín dụng, hệ thống ngân hàng thương mại trên địa bàn theo hướng hiện đại, bảo đảm công bằng, minh bạch, đáp ứng đủ nguồn lực cho nhu cầu phát triển và sản xuất, đời sống nhân dân.

2.5. Nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư, khuyến khích khởi nghiệp, phát triển đồng bộ, chất lượng các thành phần kinh tế. Xác định đây là động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh, bền vững. Xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện chiến lược thu hút đầu tư của tỉnh đến năm 2030 bài bản, khoa học, khả thi gắn với trách nhiệm tổ chức thực hiện và kết quả cụ thể trên tinh thần “doanh nghiệp thành công, Yên Bái phát triển”, “lợi ích hài hòa, rủi ro chia sẻ” với 03 trụ cột: (i) Xây dựng tổ chức, bộ máy xúc tiến, thu hút đầu tư chất lượng, hiệu quả; (ii) Hoàn thiện cơ chế, chính sách hấp dẫn, khả thi, nhất là tiếp cận đất đai và nguồn nhân lực, đẩy mạnh cải cách mạnh mẽ hành chính, nhất là thủ tục hành chính; (iii) Huy động tối đa các nguồn lực từng bước đầu tư đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là hạ tầng giao thông và hạ tầng khu, cụm công nghiệp. Tập trung thu hút, ưu tiên các nhà đầu tư trong và ngoài nước có tiềm lực về vốn, quản trị tiên tiến, sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, có giá trị gia tăng cao, tạo ra nhiều việc làm, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, tạo sức lan tỏa và khả năng dẫn dắt phát triển nhanh các ngành, lĩnh vực, các khu vực kinh tế trọng điểm, động lực theo định hướng, quy hoạch của tỉnh; tăng nhanh về số lượng và nâng cao tỷ trọng đóng góp của các doanh nghiệp FDI trong cơ cấu kinh tế; tăng cường vận động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn ODA, NGO cho đầu tư phát triển. Giai đoạn 2026-2030, phấn đấu thu hút được 300 dự án đầu tư, với tổng số vốn đăng ký đầu tư khoảng 75.000 tỷ đồng, chiếm khoảng 41,7% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, trong đó lĩnh vực FDI thu hút khoảng 20 dự án, với số vốn đăng ký đầu tư khoảng 6.300 tỷ đồng, chiếm 8,4% tổng số vốn đăng ký đầu tư.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp tạo môi trường, điều kiện thuận lợi hỗ trợ đầu tư và sản xuất, kinh doanh của các thành phần kinh tế; khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân ở tất cả các ngành, lĩnh vực, nhất là sản xuất, dịch vụ, thương mại, đưa kinh tế tư nhân thật sự trở thành một trong những động lực quan trọng nhất của nền kinh tế; thực hiện hiệu quả chính sách hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp; phát triển kinh tế tập thể, nhất là hợp tác xã kiểu mới, phấn đấu mỗi năm thành lập mới trên 300 doanh nghiệp, 60 hợp tác xã và 250 tổ hợp tác; tập trung hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, ứng dụng khoa học kỹ thuật, chuyển đổi số vào quản trị, sản xuất, kinh doanh, xây dựng thương hiệu. Cùng cố tổ chức, phát triển đa dạng và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ chức hội, chi hội doanh nghiệp, ngành nghề nhằm xây dựng, phát triển mạnh các hoạt động kết nối, hợp tác các thành phần kinh tế theo cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị phù hợp với lợi thế sẵn có, xu thế phát triển, gia tăng khả năng cạnh tranh, thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững.

3. Nâng cao hơn nữa chất lượng và hiệu quả lĩnh vực văn hóa - xã hội, phát triển con người Yên Bái “thân thiện, nhân ái, đoàn kết, sáng tạo, hội nhập”

3.1. Thực hiện hiệu quả yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, việc làm cho nhân dân. Tiếp tục đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp dạy - học ở tất cả các bậc học theo hướng mở, linh hoạt, liên thông, thông minh, hiện đại, bình đẳng, hạnh phúc, hướng tới phát triển con người toàn diện cả “Đức - Trí - Thể - Mĩ”, có lòng yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, khát vọng vươn lên xây dựng quê hương, đất nước. Tiếp tục sắp xếp quy mô, mạng lưới trường, lớp gắn với sắp xếp đơn vị hành chính bảo đảm yêu cầu nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo; bảo đảm ngân sách để thực hiện hiệu quả các chủ trương phát triển giáo dục, đào tạo trong giai đoạn mới, ưu tiên nguồn lực đầu tư cho giáo dục chất lượng cao, giáo dục dân tộc, đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục mầm non ở nơi có điều kiện; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo “vừa hồng, vừa chuyên”; triển khai hiệu quả đề án đổi mới chương trình sách giáo khoa giáo dục phổ thông. Phấn đấu đến năm 2030, 100% hệ thống phòng học được kiên cố hóa; trên 90% số trường mầm non và trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia; nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục các bậc học; tiếp tục tăng tỷ lệ học sinh dân tộc được học trường nội trú, bán trú với đầy đủ các điều kiện học tập thiết yếu; phát triển hệ thống hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập, bảo đảm 100% trẻ khuyết tật có khả năng học tập được đến trường. Quan tâm chính sách đối với giáo viên vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn; nghiên cứu thực hiện miễn học phí đối với học sinh phổ thông trước năm 2030. Đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, từng bước xây dựng xã hội học tập. Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các thiết chế giáo dục cơ sở; hỗ trợ các trung tâm học tập cộng đồng; tăng cường đào tạo từ xa, đào tạo trên nền tảng số; hỗ trợ người yếu thế có điều kiện để học tập suốt đời.

Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thực sự trở thành một trong những đột phá quan trọng, đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế; phấn đấu tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2030 đạt 75%, trong đó lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 45%; chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp đạt khoảng 1,5%/năm. Đổi mới và nâng cao chất lượng hiệu quả hệ thống cơ sở đào tạo nghề đồng bộ với đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, gắn với sự phát triển của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo; ưu tiên đầu tư cho đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn, đội ngũ nhân lực kỹ thuật, quản lý, quản trị doanh nghiệp; chú trọng đào tạo thường xuyên, đào tạo lại ngành nghề phù hợp đáp ứng với yêu cầu; gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo với sử dụng và tạo việc làm cho lao động; khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào tinh ưu tiên sử dụng lao động địa phương theo hướng cộng sinh, cộng hưởng. Phối hợp với Đại học Thái Nguyên nghiên cứu kỹ lưỡng các điều kiện và nhu cầu thực tiễn để thành lập Trường đại học đa ngành của tỉnh. Ban hành và thực hiện hiệu

quả chính sách thu hút, trọng dụng nguồn nhân lực chất lượng cao làm việc trong các ngành nghề trọng điểm, các lĩnh vực mới nổi (khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, du lịch, năng lượng, trí tuệ nhân tạo,...). Triển khai hiệu quả chính sách hỗ trợ đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài, phấn đấu giai đoạn 2026-2030, đưa khoảng 8.200 người đi làm việc, tham gia chương trình hợp tác đào tạo tại nước ngoài.

3.2. Nâng cao chất lượng công tác y tế, cải thiện chỉ số sức khỏe, nâng cao tuổi thọ và chất lượng cuộc sống của người dân. Phát triển hệ thống y tế theo hướng hiện đại, thông minh, y tế số hoạt động hiệu quả trên cơ sở dự phòng tích cực và chủ động, gắn kết y học cổ truyền với y học hiện đại, khai thác, sử dụng, chia sẻ dữ liệu y tế trên nền tảng đô thị thông minh, bảo đảm mọi người dân được quản lý, theo dõi, chăm sóc sức khỏe liên tục, toàn diện. Xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở đạt tiêu chí quốc gia, có chất lượng trong chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, nhất là ở vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nhân rộng mô hình trạm y tế hoạt động theo nguyên lý y học gia đình; tiếp tục nâng cấp trang, thiết bị, chất lượng nhân lực, nâng hạng các bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh, các phòng khám khu vực trung tâm y tế tuyến huyện, phấn đấu 100% trung tâm y tế cấp huyện đạt tiêu chuẩn hạng II trở lên; mở rộng quy mô, phát triển một số trung tâm y tế chuyên sâu gắn với đẩy mạnh hợp tác, chuyển giao kỹ thuật, công nghệ từ các bệnh viện tuyến Trung ương để đưa Bệnh viện Đa khoa tỉnh trở thành thành bệnh viện đa khoa cấp tỉnh đảm nhiệm chức năng vùng, Trung tâm kiểm nghiệm Thuốc - Mỹ Phẩm - Thực Phẩm và Trung tâm kiểm soát bệnh tật đáp ứng tiêu chí trung tâm của vùng. Tập trung đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ thầy thuốc, nhất là đội ngũ bác sỹ có trình độ, năng lực chuyên môn sâu, có ý thức, trách nhiệm. Tiếp tục đổi mới hoạt động, nâng cao chất lượng các đơn vị sự nghiệp y tế công lập theo hướng tự chủ; khuyến khích phát triển các dịch vụ y tế ngoài công lập và khám chữa bệnh chất lượng cao ở khu vực đô thị; hình thành các trung tâm khám, chữa bệnh, điều trị theo yêu cầu tại các bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến huyện. Thực hiện tốt các chính sách về dinh dưỡng, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân; phấn đấu đến năm 2030 trên 98% dân số được quản lý sức khỏe; trên 95% người bệnh hài lòng với dịch vụ y tế.

3.3. Phát triển mạnh mẽ văn hoá, con người Yên Bái “thân thiện, nhân ái, đoàn kết, sáng tạo, hội nhập”, vì hạnh phúc của nhân dân. Quan tâm đặc biệt chăm lo xây dựng, củng cố và phát huy mạnh mẽ hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực, nhân cách, đạo đức con người Yên Bái “thân thiện, nhân ái, đoàn kết, sáng tạo, hội nhập” trên nền tảng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa Việt nam, hệ giá trị gia đình Việt Nam, cùng những giá trị văn hóa đậm đà bản sắc các dân tộc, làm cho văn hóa thấm sâu vào toàn bộ xã hội, vào từng người dân, từng gia đình, từng tập thể và cộng đồng dân cư, vào mọi lĩnh vực cuộc sống và quan hệ con người, quan hệ xã hội, tạo nên đời sống tinh thần cao đẹp, lành mạnh, văn minh. Xây dựng môi trường văn hoá số phù hợp với nền kinh tế số, xã hội số và công dân số, làm cho văn hoá thích nghi, điều tiết sự

phát triển bền vững đất nước, của tỉnh trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Thực hiện tốt mục tiêu xây dựng con người phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, đạo đức, năng lực sáng tạo, kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp, ý thức công dân và sự tuân thủ pháp luật; khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường, tinh thần đoàn kết khát vọng vươn lên của người dân Yên Bái. Chú trọng phát triển văn hóa chính trị, nâng cao tinh thần dân tộc, ý thức tận tụy, hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân, gắn bó máu thịt với Nhân dân; phát huy vai trò, trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, người đứng đầu; xây dựng môi trường văn hóa công sở trong sạch, dân chủ, đoàn kết. Có giải pháp mạnh mẽ kiên quyết, kiên trì đấu tranh ngăn chặn hiệu quả sự xuống cấp về đạo đức, lối sống; đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, cái xấu, cái ác và các tệ nạn xã hội; xây dựng môi trường sống văn hóa, bình an, hạnh phúc cho nhân dân.

Tiếp tục bảo tồn và phát huy hiệu quả giá trị các di sản, văn hóa vật thể, phi vật thể truyền thống và nâng cao chất lượng, hiệu quả sáng tạo các giá trị văn hoá mới gắn với phát triển công nghiệp văn hóa và dịch vụ văn hóa, nhất là du lịch để từng bước “biến di sản thành tài sản”, “biến tài nguyên văn hóa và tài nguyên thiên nhiên thành tài nguyên du lịch”; đồng thời góp phần bồi đắp, phát triển hệ giá trị văn hóa ngày càng phong phú, thực sự trở thành sức mạnh mềm cho phát triển. Coi trọng chất lượng, hiệu quả thực chất phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với phong trào xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, các cuộc vận động “xây dựng gia đình hạnh phúc”, “thôn, bản, tổ dân phố hạnh phúc”, “cơ quan hạnh phúc”, “Xã, phường, thị trấn hạnh phúc”, “Huyện, thị xã, thành phố hạnh phúc”, phấn đấu đưa Yên Bái trở thành “Tỉnh hạnh phúc” vào năm 2030. Nâng cao hiệu quả hoạt động của hội văn học nghệ thuật, tạo điều kiện để đội ngũ văn nghệ sỹ sáng tạo tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị lan tỏa sức sống xã hội lành mạnh, hạnh phúc. Đẩy mạnh phong trào toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại; lựa chọn, đầu tư hiệu quả cho thể thao thành tích cao; giữ gìn và phát triển mạnh các môn thể thao dân gian, truyền thống của cộng đồng các dân tộc; phấn đấu tỷ lệ dân số thường xuyên luyện tập thể dục, thể thao năm 2030 đạt trên 48%.

Phát triển mạnh mẽ thông tin, truyền thông theo hướng đa phương tiện, thông minh, hiện đại. Tăng cường quản lý và phát huy vai trò các cơ quan báo chí, bảo đảm đúng tôn chỉ, mục đích; khai thác hiệu quả các loại hình thông tin tiên tiến, đưa báo chí trở thành công cụ hữu hiệu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng nhu cầu của nhân dân; chủ động, kiên quyết đấu tranh, loại bỏ các sản phẩm, thông tin độc hại, xuyên tạc, ảnh hưởng xấu đến ổn định chính trị - xã hội, thuần phong, mỹ tục.

3.4. Quản lý phát triển xã hội tiến bộ, công bằng, an toàn, kỷ cương, bền vững, “không để ai bị bỏ lại phía sau”. Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện, giám sát quản lý phát triển xã hội của cấp ủy, chính quyền các cấp theo hướng minh bạch, kiến tạo, phục vụ, kỷ cương, thông minh, hiện đại, đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng chính quyền

số, xã hội số; quản lý phát triển xã hội hài hòa, ổn định trên nền tảng hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực, nhân cách, đạo đức con người Yên Bái “*thân thiện, nhân ái, đoàn kết, sáng tạo, hội nhập*”; thực hiện tốt chính sách pháp luật về các vấn đề xã hội, chính sách xã hội, an sinh xã hội, chính sách người có công, bảo vệ và chăm sóc người cao tuổi, trẻ em, bảo đảm mức sống của người có công và gia đình từ trung bình khá trở lên so với cộng đồng dân cư nơi cư trú; đẩy mạnh thực hiện hiệu quả chiến lược quốc gia về phát triển thanh niên, bình đẳng giới, dân số. Nâng cao phúc lợi xã hội toàn dân, từng bước bảo đảm những nhu cầu cơ bản, thiết yếu của nhân dân về nhà ở, giáo dục, y tế... Quan tâm đầy đủ quyền và lợi ích của người lao động, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các tầng lớp dân cư, phấn đấu đến năm 2030 có khoảng 50% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội, 40% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp. Tập trung đẩy lùi tệ nạn xã hội, kiểm soát ma túy và phòng chống lây nhiễm HIV/AIDS.

Tiếp tục huy động sự vào cuộc trách nhiệm của hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và xã hội chung tay thực hiện công tác giảm nghèo; khơi dậy ý chí tự lực, tự cường của đồng bào các dân tộc trong phát triển kinh tế - xã hội, vươn lên thoát nghèo và giảm nghèo bền vững, nâng cao dân trí, giữ gìn tiếng nói, chữ viết, bản sắc văn hóa và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc, nhất là ở vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; phấn đấu tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân mỗi năm (theo chuẩn nghèo từng giai đoạn) từ 2 - 2,5%/năm. Tạo điều kiện cho các tôn giáo sinh hoạt theo điều lệ và quy định của pháp luật; vận động, tập hợp các tổ chức tôn giáo, chức sắc, tín đồ đoàn kết, sống tốt đời đẹp đạo, tích cực đóng góp trong phát triển kinh tế, chăm lo an sinh, phúc lợi xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; phát huy những giá trị văn hoá, đạo đức tốt đẹp và các nguồn lực của các tôn giáo cho sự nghiệp phát triển.

4. Đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo, tăng tốc phát triển nền kinh tế số, xã hội số trở thành động lực chủ yếu để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nhân tố quyết định nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Xây dựng lộ trình đưa toàn bộ hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị của tỉnh lên môi trường số, bảo đảm liên thông, đồng bộ, bí mật nhà nước. Xây dựng, phát triển hệ thống giám sát, điều hành thông minh nhằm tăng cường quản lý công. Phát triển hạ tầng số theo cơ chế hợp tác công tư. Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững, hệ thống truyền dẫn dữ liệu qua vệ tinh, mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao. Tập trung xây dựng cơ chế, chính sách để thu hút, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực, để đầu tư có tính đột phá cho ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ và đổi mới, sáng tạo, trọng tâm là ứng dụng, chuyển giao công nghệ mới, kỹ thuật tiên bộ vào các ngành kinh tế mũi nhọn, động lực lan tỏa của tỉnh, nhất là lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp chế biến, chế tạo..., nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, thúc đẩy môi trường kinh doanh mới, thích ứng với xu hướng phát triển mạnh mẽ của cuộc

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trí tuệ nhân tạo, kinh tế số, kinh tế xanh, bảo vệ môi trường, ứng phó với các thách thức từ thiên tai, dịch bệnh; phấn đấu đến năm 2030 thu hút, hình thành từ 15-20 doanh nghiệp khoa học - công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp, sáng tạo và doanh nghiệp có hoạt động đổi mới, sáng tạo. Đầu tư nâng cấp quy mô, trang thiết bị gắn với thu hút, đào tạo nhân lực chất lượng cao cho Trung tâm Ứng dụng, kỹ thuật, thông tin khoa học và công nghệ tỉnh và các khu sản xuất, trạm nghiên cứu, thực nghiệm, chuyển giao, ứng dụng tiên bộ khoa học, công nghệ. Đẩy mạnh xây dựng chính quyền số, tập trung số hóa toàn diện hoạt động quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao; kết nối đồng bộ các cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, doanh nghiệp, tạo nền tảng tinh gọn bộ máy, cải cách thủ tục hành chính. Phát triển kinh tế số, thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong mọi ngành, lĩnh vực, tạo ra các mô hình kinh doanh mới tạo động lực cho tăng trưởng. Phát triển công dân số, trang bị kiến thức, kỹ năng cần thiết để người dân tham gia hiệu quả vào nền kinh tế số và xã hội số; phấn đấu đưa tỷ trọng đóng góp của kinh tế số chiếm khoảng 20% GRDP vào năm 2030.

5. Tiếp tục hoàn thiện đồng bộ và đột phá mạnh mẽ trong xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, trọng điểm, từng bước hiện đại, có sức lan tỏa, kết nối phát triển vùng, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế, quản lý xã hội bền vững, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu, trọng tâm là hạ tầng giao thông đa phương thức, hạ tầng đô thị kết nối nông thôn, khu, cụm công nghiệp, hạ tầng công nghệ, thông tin, viễn thông. Đẩy mạnh các hình thức xã hội hóa đầu tư, huy động tối đa các nguồn vốn của các tổ chức, doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu, cụm công nghiệp, hạ tầng thương mại, dịch vụ, du lịch...; thực hiện hiệu quả hình thức đầu tư đối tác công tư (PPP). Làm tốt công tác giải phóng mặt bằng, đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình, dự án giao thông trọng điểm, trọng tâm là: Phối hợp các các ban, bộ, ngành triển khai các dự án đầu tư phát triển hạ tầng giao thông quốc gia trên địa bàn tỉnh như: Nâng cấp, mở rộng cao tốc Nội Bài - Lào Cai (CT.05); đầu tư mới tuyến nối đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai với Hà Giang (CT.12), cao tốc Sơn La - Yên Bái; cải tạo, nâng cấp, mở mới các tuyến quốc lộ theo quy hoạch; cải tạo, nâng cấp tuyến đường sắt khổ 1.000mm Hà Nội - Lào Cai; đầu tư mới tuyến đường sắt khổ 1.435mm Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng; tuyến đường thủy nội địa trên sông Hồng đoạn qua tỉnh Yên Bái và trên hồ Thác Bà đoạn từ đập Thác Bà đến Cẩm Nhân đạt tiêu chuẩn cấp III. Tiếp tục nghiên cứu, báo cáo Thủ tướng Chính phủ bổ sung quy hoạch và kêu gọi đầu tư khai thác lưỡng dụng sân bay quân sự Yên Bái theo mô hình chuyên dùng. Sớm hoàn thành và đưa vào sử dụng các công trình trọng điểm của tỉnh đang thực hiện⁴⁰; đồng thời

⁴⁰ Gồm: (1) Đường kết nối Mường La (Sơn La), Than Uyên, Tân Uyên (Lai Châu), Mù Cang Chải, Văn Chấn, Văn Yên (Yên Bái) với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC15); (2) Xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông liên vùng hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội các huyện nghèo tỉnh Yên Bái; (3) Khu liên hợp thể dục thể thao tỉnh Yên Bái; (4) Trụ sở Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh Yên Bái; (5) Trung tâm điều hành, giám sát, xử lý dữ liệu đô thị thông minh tỉnh Yên Bái; (7) Xây dựng trung tâm hành chính thành phố Yên Bái...

tập trung nguồn lực đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội, trong đó ưu tiên các công trình, dự án trọng điểm: Hoàn thành đưa điện tới 100% thôn, bản chưa có điện lưới quốc gia; Dự án Đô thị động lực thành phố Yên Bái (nguồn vốn WB); Khu trung tâm hành chính thành phố Yên Bái bên hữu ngạn sông Hồng; dự án cầu Giới Phiên, thành phố Yên Bái; Hệ thống xử lý nước thải, rác thải 02 đô thị thành phố Yên Bái và thị xã Nghĩa Lộ; dự án Kè chống sạt lở và phát triển cơ sở hạ tầng hai bờ sông Hồng, tỉnh Yên Bái; dự án Đô thị thông minh gắn với chính quyền điện tử (giai đoạn 2); các tuyến đường: Cải tạo, nâng cấp đường Khánh Hòa - Minh Xuân (ĐT.171), đoạn Yên Thế - Minh Xuân, tỉnh Yên Bái; Cải tạo, nâng cấp đường Yên Thế - Vĩnh Kiên (ĐT.170), đoạn Yên Thế - Cẩm Nhân, tỉnh Yên Bái; Cải tạo, nâng cấp đường Yên Bái - Khe Sang (ĐT.163), đoạn Đông An - Khe Sang, tỉnh Yên Bái; Đường nối đường Âu Cơ với Quốc lộ 2D và Khu công nghiệp phía Nam, tỉnh Yên Bái; Dự án Đường kết nối Hàm Yên (Tuyên Quang), Bắc Quang (Hà Giang), Lục Yên, Yên Bình, Văn Yên (Yên Bái) với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC14); dự án Kè chống sạt lở và phát triển cơ sở hạ tầng hai bờ sông Hồng, tỉnh Yên Bái; dự án Kè suối Thia, suối Nậm Tộc, suối Nung, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái; dự án Kè chống sạt lở bờ sông Hồng; Dự án Khu liên hợp thể dục thể thao tỉnh Yên Bái; dự án Trung tâm hội chợ triển lãm, trưng bày, giới thiệu sản phẩm và thông tin xúc tiến thương mại tỉnh Yên Bái; dự án xây dựng mới nhà điều trị, khu xử lý nước thải tập trung Bệnh viện đa khoa tỉnh Yên Bái...; hoàn thành kiên cố hóa toàn bộ hệ thống đường giao thông nông thôn trên địa bàn toàn tỉnh trước năm 2030; tiếp tục nâng cấp hạ tầng điện, nước sạch, môi trường, thủy lợi phục vụ phát triển đô thị, nông thôn, khu, cụm công nghiệp. Tập trung đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, chuyển đổi số tiên tiến, hiện đại, an ninh, an toàn; phát triển hạ tầng số toàn diện với các dịch vụ băng thông rộng và các nền tảng IoT, AI, BigData, định danh số, thanh toán điện tử, an ninh mạng...; mở rộng vùng phủ sóng WLAN tại các khu vực công cộng, điểm du lịch, khu công nghiệp

Rà soát, hoàn thiện, quản lý chặt chẽ quy hoạch đô thị gắn với quy hoạch nông thôn mới; thực hiện hiệu quả chương trình phát triển đô thị theo hướng đồng bộ cả về kinh tế, xã hội, kiến trúc cảnh quan, môi trường và chất lượng sống của người dân; đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng phù hợp với xu hướng phát triển đô thị thông minh, xanh, bản sắc, thích ứng với biến đổi khí hậu; gắn phát triển đô thị với xây dựng nông thôn mới; lấy đô thị là động lực dẫn dắt phát triển nông thôn, đẩy nhanh tiến trình đô thị hóa; tập trung nguồn lực đầu tư phát triển 02 đô thị trọng điểm, tiên phong, đi đầu trong ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, trở thành động lực thúc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập và phát triển; phấn đấu đến năm 2030 thành phố Yên Bái là đô thị loại II xanh, thông minh, bản sắc, hạnh phúc, thị xã Nghĩa Lộ trở thành đô thị loại III (thị xã văn hóa - du lịch xanh); 04 thị trấn (Cổ Phúc, Yên Bình, Mậu A, Yên Thế) đáp ứng tiêu chí đô thị loại IV; 20 đô thị loại V⁴¹.

⁴¹ 03 thị trấn huyện lỵ, 02 thị trấn Nông trường, thị trấn Thác Bà và 14 đô thị mới (Hung Khánh, Báo Đáp, Văn Hội, huyện Trấn Yên; An Thịnh, Xuân Ái, An Bình, huyện Văn Yên; Khánh Hòa, huyện Lục Yên; Cẩm Ân, Cẩm Nhân, huyện Yên Bình; Tú Lệ, Cát Thịnh, Tân Thịnh, Gia Hội, huyện Văn Chấn; Púng Luông, huyện Mù Cang Chải).

6. Chăm lo phát triển toàn diện kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi. Khai thác tiềm năng, lợi thế về đất đai, tài nguyên, cảnh quan, khí hậu để đẩy mạnh phát triển kinh tế, giảm nghèo nhanh, bền vững, thu hẹp dần khoảng cách chênh lệch đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào vùng cao so với vùng thấp, phấn đấu tỷ lệ hộ nghèo 02 huyện Trạm Tấu, Mù Cang Chải bình quân giai đoạn 2025-2030 giảm trên 5%/năm; ít nhất 40 xã đặc biệt khó khăn đạt tiêu chí nông thôn mới. Quan tâm đầu tư kết cấu hạ tầng, ưu tiên hệ thống giao thông kết nối từ trục chính tới xã, thôn bản, cơ sở vật chất các trường học, trạm y tế, trụ sở xã, điện lưới quốc gia, các công trình thủy lợi... cơ bản đáp ứng nhu cầu của người dân. Hoàn thành quy hoạch, sắp xếp ổn định dân cư, di dời, bố trí 100% số hộ đang cư trú tại các vùng xung yếu, có nguy cơ rủi ro cao do tác động của biến đổi khí hậu đến nơi an toàn. Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, y tế; triển khai hiệu quả chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; bảo tồn và phát huy bản sắc, giá trị văn hóa tốt đẹp của các dân tộc; chăm lo quy hoạch, đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số, bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số phù hợp với tỷ lệ dân số là người dân tộc thiểu số ở từng địa phương.

7. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Nâng cao chất lượng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đồng bộ, thống nhất với quy hoạch tỉnh; tạo bước chuyển biến tích cực trong quản lý thống nhất, khai thác hợp lý và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm nguồn lực tài nguyên đất, nước, khoáng sản... Hoàn thành việc đo đạc, lập bản đồ địa chính trên địa bàn cấp huyện. Hoàn thiện hệ thống thông tin đất đai, cơ sở dữ liệu đất đai và hệ thống hồ sơ địa chính được “số hóa” theo hướng hiện đại, tập trung, thống nhất, phục vụ đa mục tiêu, công khai, minh bạch, chuyên các hoạt động đăng ký, giao dịch trong lĩnh vực đất đai sang giao dịch điện tử. Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng đất có nguồn gốc nông lâm trường quốc doanh. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm về bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, bảo đảm điều kiện sống an toàn, lành mạnh. Tiếp tục giải quyết hài hòa vấn đề môi trường trong phát triển kinh tế - xã hội, nhất là sản xuất công nghiệp, khai thác, chế biến khoáng sản, nông, lâm sản; kiểm soát ô nhiễm môi trường, suy giảm đa dạng sinh hoạt, duy trì cân bằng sinh thái theo hướng phát triển sản xuất xanh - tiêu dùng xanh; khuyến khích đầu tư công nghệ hiện đại để thu gom, xử lý chất thải, tái sử dụng, tái chế và sản xuất thu hồi năng lượng từ chất thải; đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung tại các đô thị, khu, cụm công nghiệp, hệ thống lò đốt rác tập trung tại các huyện, thị xã, bảo đảm duy trì tốt chất lượng môi trường sống từ đô thị đến nông thôn, nhất là tại thành phố Yên Bái, thị xã Nghĩa Lộ và các khu đông dân cư. Phối hợp thành lập 02 khu cảnh quan sinh thái quan trọng của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ gồm Vùng núi cao Mù Cang Chải (Yên Bái) và Vùng núi cao Hoàng Liên Sơn (Yên Bái, Lào Cai, Lai Châu); đồng thời quản lý, phát huy hiệu quả gắn với phát triển du lịch sinh thái. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao khả năng phòng, chống và

hạn chế tác động của thiên tai, nhất là lũ ống, lũ quét, sạt lở đất; tăng cường nguồn lực xã hội để mở rộng và hiện đại hóa hệ thống quan trắc, cảnh báo, dự báo thiên tai đa mục tiêu; chủ động chia sẻ thông tin, xây dựng cơ chế liên kết vùng trong ứng phó biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

8. Tăng cường quốc phòng - an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

Thực hiện nghiêm túc các chủ trương, chiến lược của Đảng, Nhà nước về bảo vệ Tổ quốc. Kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng và bảo đảm an ninh; quan tâm bố trí nguồn lực đầu tư xây dựng căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu phương, các công trình quốc phòng theo quy hoạch thể trận quân sự trong khu vực phòng thủ. Không ngừng nâng cao chất lượng tổng hợp, trình độ và khả năng sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang tỉnh. Xây dựng lực lượng quân đội thường trực cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; lực lượng dự bị động viên hùng hậu, vững mạnh, có trình độ sẵn sàng chiến đấu cao, sẵn sàng huy động khi có tình huống xảy ra; lực lượng dân quân, tự vệ theo hướng vững mạnh, rộng khắp. Kịp thời tham gia phòng chống thiên tai, dịch bệnh, cứu hộ, cứu nạn, giảm nhẹ thiệt hại, khắc phục hậu quả khi có các sự cố xảy ra. Đẩy mạnh, nâng cao chất lượng công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng, trọng tâm là cán bộ chủ chốt các cấp trong hệ thống chính trị; thực hiện hiện tốt nhiệm vụ giáo dục quốc phòng toàn dân, chính sách Quân đội và hậu phương Quân đội.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước đối với công tác bảo đảm an ninh, trật tự; xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị trong bảo đảm an ninh, trật tự; củng cố, xây dựng lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở vững mạnh. Nâng cao nhận thức, tinh thần cảnh giác, trách nhiệm của người dân và toàn xã hội đối với công tác bảo đảm an ninh, trật tự. Tập trung giải quyết các yếu tố tiềm ẩn phức tạp về an ninh, trật tự; đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, bảo vệ vững chắc an ninh chính trị, an ninh kinh tế, an ninh văn hóa, tư tưởng, an ninh thông tin, sẵn sàng ứng phó hiệu quả với các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống, không để các vụ việc về mất trật tự, an toàn xã hội chuyển thành các vụ việc về an ninh quốc gia trong mọi tình huống. Thường xuyên mở các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm, không để tội phạm lộng hành hoạt động theo kiểu “xã hội đen”; triệt xóa các tụ điểm tệ nạn xã hội, đấu tranh, phòng chống hiệu quả với các loại tội phạm, xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh.

9. Chủ động mở rộng, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế; tích cực liên kết phát triển kinh tế - xã hội với các tỉnh trong vùng. Củng cố và làm sâu sắc hơn mối quan hệ hợp tác với các đối tác truyền thống với tỉnh Viêng Chăn, Xay Nhạ Bu Ly (CHDCND Lào), tỉnh Vân Nam (Trung Quốc), tỉnh Val de Marne, thành phố Chevilly Larue (Cộng hòa Pháp), thành phố Mimasaka, tỉnh Okayama và tỉnh Yamanashi (Nhật Bản), tỉnh Jeollanamdo, Gyeonggi, Chungcheongnamdo, thành phố Naju (Hàn

Quốc). Thực hiện đồng bộ hoạt động đối ngoại toàn diện trên các lĩnh vực, trọng tâm là hợp tác kinh tế; nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch; đẩy mạnh các hoạt động ngoại giao văn hóa, ngoại giao kinh tế, góp phần quảng bá hình ảnh đất nước và con người Việt Nam nói chung và tỉnh Yên Bái nói riêng. Thực thi hiệu quả các cam kết quốc tế theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Phát huy mạnh mẽ vai trò và nguồn lực của cộng đồng người Việt Nam, người Yên Bái ở nước ngoài để thu hút đầu tư, phát triển quê hương Yên Bái.

Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Định vị rõ tiềm năng, lợi thế của tỉnh trong vùng nhất là dịch vụ logistics, dịch vụ du lịch liên vùng, quốc tế, cung cấp nguyên vật liệu cho các khu công nghiệp, khu kinh tế lớn của vùng qua hành lang kinh tế Lào Cai - Yên Bái - Phú Thọ - Hà Nội kết nối tiểu vùng trung tâm với Thủ đô Hà Nội, các cảng cửa ngõ, vùng đồng bằng sông Hồng, với thành phố Côn Minh và vùng Tây Nam Trung Quốc; quyết tâm đưa Yên Bái trở thành một trong những trung tâm liên kết kinh tế của vùng Trung du và Miền núi Bắc Bộ với Thủ đô Hà Nội và vùng đồng bằng sông Hồng.

II. XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TINH GỌN, TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH, HOẠT ĐỘNG HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU NHIỆM VỤ TRONG TÌNH HÌNH MỚI

1. Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị. Đổi mới mạnh mẽ việc ban hành và quán triệt, thực hiện nghị quyết của Đảng phù hợp với quy luật khách quan, đáp ứng yêu cầu thực tiễn theo hướng ngắn gọn, súc tích, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ tiếp thu, dễ thực hiện, xác định đúng, trúng yêu cầu, nhiệm vụ, con đường, cách thức phát triển của địa phương; có tâm nhìn, khoa học, tính thực tiễn và tính khả thi; tạo sự phấn khởi, tin tưởng, kỳ vọng và động lực thôi thúc cán bộ, đảng viên, các thành phần kinh tế và các tầng lớp nhân dân quyết tâm thực hiện, bảo đảm nghị quyết sớm đi vào cuộc sống. Giữ vững nguyên tắc đoàn kết, thống nhất, tự phê bình và phê bình, mở rộng thực hành dân chủ gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong Đảng. Tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII, Kết luận số 01-KL/TW của Hội nghị Trung ương 4 khóa XIII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; không ngừng nâng cao lập trường, bản lĩnh chính trị, năng lực, trình độ, vai trò nêu gương, tính chiến đấu của cấp ủy, tổ chức đảng và của mỗi cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp đổi mới, hội nhập và phát triển.

2. Đẩy mạnh xây dựng Đảng về tư tưởng. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đường lối đổi mới và các nguyên tắc hoạt động của Đảng. Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với thực tiễn của tỉnh. Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên quyết

và thường xuyên đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, cơ hội chính trị. Không ngừng đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức công tác tư tưởng theo hướng chủ động, thiết thực, kịp thời và hiệu quả, hướng mạnh về cơ sở; nâng cao tính chiến đấu, tính giáo dục, tính thuyết phục trong tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, tạo sự chuyển biến tích cực trong cán bộ, đảng viên. Nắm chắc, dự báo đúng, định hướng chính xác, xử lý đúng đắn, kịp thời. Quan tâm làm tốt công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành chủ trương, định hướng chính sách, phù hợp với quan điểm, triết lý phát triển “xanh, hài hòa, bản sắc và hạnh phúc”, tạo sự thống nhất về tư tưởng, đồng thuận trong hành động của hệ thống chính trị và toàn xã hội. Duy trì nền nếp và nâng cao chất lượng bồi dưỡng lý luận, cập nhật kiến thức mới cho cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ quản lý các cấp theo phương châm “cơ bản, hệ thống, hiện đại và thực tiễn”. Làm tốt công tác tuyên truyền, báo chí, xuất bản, truyền thông; công tác giáo dục truyền thống lịch sử, cách mạng, văn hóa, tinh thần yêu nước, khơi dậy sức mạnh văn hóa, ý chí khát vọng vươn lên trong cán bộ, đảng viên và nhân dân.

3. Tăng cường xây dựng Đảng vững mạnh về đạo đức. Thực hiện nghiêm chuẩn mực đạo đức cách mạng, đạo đức công vụ, đề cao trách nhiệm nêu gương, ý thức tự giác học tập, rèn luyện, tu dưỡng nâng cao đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu theo Quy định số 144-QĐ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Quyết tâm xây dựng văn hóa trong Đảng, trong hệ thống chính trị theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; văn hóa, đạo đức và lối sống lành mạnh phải được thể hiện trong từng cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể, trong mỗi cán bộ, đảng viên, làm cho các giá trị văn hóa thấm sâu vào mọi hoạt động của Đảng và hệ thống chính trị; kết hợp giữa tăng cường kỷ cương, kỷ luật của Đảng, đề cao pháp luật của Nhà nước với giáo dục, bồi dưỡng nhân cách, đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên; cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp mà nòng cốt là cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên phải gương gương mẫu đi đầu trong việc tuân thủ pháp luật, kỷ cương, thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa, trở thành hạt nhân trong tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của báo chí và nhân dân trong thực hiện các quy định nêu gương, để cán bộ, đảng viên tự giác nêu gương, khẳng định vai trò tiên phong, gương mẫu, đấu tranh hiệu quả với các quan điểm, hành vi phản đạo đức, phi đạo đức, góp phần xây dựng Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh.

4. Tiếp tục sắp xếp, hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị. Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới và thực hiện nghiêm các quy chế, quy định, hướng dẫn của Trung ương về sắp xếp tổ chức bộ máy; kiện toàn tổ chức bộ máy bên trong các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong hệ thống chính trị của tỉnh theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; rà soát, bổ sung, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của từng cơ quan, đơn vị, bảo đảm khắc phục tình

trạng chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ. Phân cấp quản lý tổ chức bộ máy theo hướng phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của từng cấp, từng cơ quan, đơn vị, bảo đảm sự quản lý thống nhất từ tỉnh đến cơ sở. Hoàn thành việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã theo quy định. Thực hiện nghiêm quy định về quản lý biên chế của hệ thống chính trị. Hoàn thiện danh mục vị trí việc làm, khung năng lực, bản mô tả vị trí việc làm của hệ thống chính trị. Đẩy mạnh thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm; đồng thời xây dựng cơ chế phân cấp quản lý và giao nhiệm vụ, khoán sản phẩm công việc tới từng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động gắn với cơ chế tài chính khoán chi, đặt hàng, đấu thầu, giao nhiệm vụ theo chất lượng, hiệu quả sản phẩm công việc.

5. Tập trung củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng; nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên. Thường xuyên củng cố, xây dựng, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng, trọng tâm là tổ chức cơ sở đảng; làm cho tổ chức đảng ở cơ sở thực sự là cầu nối giữa Đảng với nhân dân, thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị và giải quyết được những vấn đề nảy sinh ở cơ sở. Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức, rà soát, sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, mối quan hệ công tác của các loại hình tổ chức cơ sở đảng theo thẩm quyền, bảo đảm phù hợp với quan điểm, chủ trương đổi mới, sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị. Chỉ đạo, hướng dẫn xây dựng đồng bộ quy chế làm việc của các cấp ủy, tổ chức đảng; thể chế hóa, cụ thể hóa thẩm quyền, trách nhiệm, chế độ làm việc và mối quan hệ công tác giữa tập thể, cá nhân, người đứng đầu bảo đảm đúng nguyên tắc, phát huy vai trò hạt nhân lãnh đạo của Đảng. Phát huy mạnh mẽ vai trò của cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng trong quản lý, giáo dục, rèn luyện, kiểm tra, giám sát, đánh giá cán bộ, đảng viên. Không ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ gắn với lãnh đạo, giải quyết có hiệu quả nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, địa phương. Nâng cao chất lượng đảng viên; chú trọng xây dựng tổ chức đảng và phát triển đảng viên trong doanh nghiệp và khu vực kinh tế tư nhân. Đồng thời, kiên quyết sàng lọc, loại bỏ những cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất, cơ hội, tham nhũng, “lợi ích nhóm”, quan liêu, hạn chế về năng lực, yếu về trình độ.

6. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ chủ chốt và người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Tiếp tục hoàn thiện đồng bộ, chặt chẽ quy định, quy chế về công tác cán bộ, tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá, giới thiệu, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ, trọng tâm là công tác đánh giá cán bộ theo hướng xuyên suốt, liên tục, đa chiều, có tiêu chí và thông qua sản phẩm cụ thể; xây dựng chính sách đào tạo, bồi dưỡng, thu hút cán bộ thực đức, thực tài, liêm chính, tâm huyết, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân; bảo đảm nguyên tắc “có ra, có vào, có lên, có xuống” trong công tác cán bộ; thực hiện nhất quán mục tiêu, nhiệm vụ Đề án số 11-ĐA/TU của Tỉnh ủy, tạo nguồn cán bộ trẻ, nữ, dân tộc có chất lượng lâu dài; thực hiện tốt việc thí điểm một số chủ

trương, giải pháp đổi mới, đột phá trong công tác cán bộ theo chỉ đạo của Trung ương. Triển khai nghiêm túc quy định về thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ; tăng cường kiểm soát quyền lực, kiên quyết chống chạy chức, chạy quyền. Quan tâm kịp thời, đầy đủ chế độ, chính sách đối với cán bộ. Làm tốt công tác bảo vệ cán bộ, bảo vệ chính trị nội bộ; nắm chắc lịch sử chính trị và chú trọng vấn đề chính trị hiện nay; kiên quyết đấu tranh, ngăn chặn những hiện tượng cục bộ, bè phái, gây mất đoàn kết nội bộ.

7. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương của Đảng. Đổi mới phương pháp, kỹ năng, quy trình công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, tập trung vào các cơ chế, biện pháp chủ động phát hiện sớm để phòng ngừa, ngăn chặn khuyết điểm, vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy, chỉ đạo, hướng dẫn của ủy ban kiểm tra cấp trên đối với cấp ủy và ủy ban kiểm tra cấp dưới trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; chú trọng kiểm tra, giám sát tổ chức đảng, đảng viên, người đứng đầu, cán bộ chủ chốt ở những địa bàn, lĩnh vực, những khâu dễ xảy ra vi phạm, nơi có nhiều bức xúc nổi cộm, dư luận quan tâm; xử lý kịp thời, kiên quyết, nghiêm minh sai phạm. Phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, thống nhất giữa kiểm tra, giám sát của cấp ủy, thanh tra nhà nước và hoạt động giám sát của hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Thường xuyên củng cố, xây dựng đội ngũ cán bộ ủy ban kiểm tra các cấp có phẩm chất đạo đức, năng lực, trách nhiệm và kỹ năng thực thi nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Thực hiện nghiêm quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng.

8. Đẩy mạnh công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, thực hiện đồng bộ phương châm 4 không: “không thể”, “không dám”, “không muốn”, “không cần” trong đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tỉnh; tích cực phòng ngừa, chủ động phát hiện, xử lý kịp thời, nghiêm minh hành vi tham nhũng, lãng phí, bao che, dung túng, tiếp tay cho tham nhũng, can thiệp, cản trở việc chống tham nhũng. Xây dựng văn hóa liêm chính trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và nhân dân. Tăng cường kiểm tra, đôn đốc công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; chú trọng công tác tự kiểm tra, thanh tra, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các sai phạm, tiêu cực, tham nhũng trong nội bộ. Thực hiện hiệu quả việc thu hồi tiền, tài sản bị chiếm đoạt từ tham nhũng. Phát huy vai trò của nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên, báo chí trong phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Tiếp tục thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp trong tình hình mới; công khai, minh bạch các hoạt động tố tụng theo quy định, bảo đảm quyền con người, quyền công dân. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật trong công tác điều tra, xử lý các vụ án, vụ việc. Nâng cao chất lượng công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án, phấn đấu không để xảy ra oan

sai, bỏ lọt tội phạm ở tất cả các bước trong quy trình tố tụng. Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý tin báo, tố giác tội phạm và kiến nghị khởi tố; phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong việc tiếp công dân, đối thoại trực tiếp với nhân dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị hợp pháp, chính đáng của nhân dân.

9. Nâng cao hiệu quả công tác dân vận của hệ thống chính trị, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân. Đổi mới nội dung, phương thức công tác dân vận các cấp hiệu quả; hướng về cơ sở, tăng cường đối thoại, tiếp xúc với nhân dân, lắng nghe tâm tư, kịp thời giải quyết nguyện vọng chính đáng, hợp pháp của nhân dân; thắt chặt hơn nữa mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng; thực hiện tốt Luật dân chủ ở cơ sở, xây dựng cộng đồng xã hội dân chủ, kỷ cương, đoàn kết, hài hòa, văn minh. Tiếp tục thực hiện tốt phong trào thi đua “dân vận khéo”, tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng các mô hình, điển hình về công tác dân vận; xây dựng, triển khai hiệu quả cơ chế phối hợp giữa chính quyền, các cơ quan, tổ chức với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị.

Tăng cường vai trò, nòng cốt chính trị gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Tiếp tục nâng cao vai trò, trách nhiệm của nông dân, chủ thể của quá trình phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới; xây dựng lực lượng công nhân đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa; phát triển đội ngũ doanh nhân đông đảo, có trình độ quản lý, kinh doanh giỏi, có đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội cao; quan tâm chăm lo bồi dưỡng, giáo dục và phát huy vai trò xung kích, tình nguyện của thế hệ trẻ, tạo điều kiện cho thanh niên học tập, phấn đấu, rèn luyện, trưởng thành; nâng cao trình độ và đời sống vật chất, tinh thần của phụ nữ, tạo điều kiện để phụ nữ thực hiện vai trò, trách nhiệm giới và chủ động, tích cực tham gia sự nghiệp đổi mới, hội nhập và phát triển; đồng thời là nòng cốt xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, hạnh phúc, tiến bộ; phát huy truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ” của cựu chiến binh, tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, chính quyền, giáo dục thế hệ trẻ, đoàn kết, chung sức xây dựng quê hương.

Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân vừa là mục tiêu, vừa là động lực, nguồn lực to lớn phục vụ sự nghiệp phát triển và hội nhập. Quán triệt và thực hiện tốt quan điểm “dân là gốc” và phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”; chú trọng vai trò, sự tham gia của nhân dân trong xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện chủ trương, cơ chế, chính sách; khơi dậy tiềm năng, sức sáng tạo, sự chung sức, đồng lòng của nhân dân hướng vào xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp, hạnh phúc.

10. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp trong điều kiện

mới. Đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; cụ thể hóa phương thức lãnh đạo của cấp ủy đảng bằng hệ thống các quy chế, quy định, quy trình, nhất là quy chế làm việc, bảo đảm sự lãnh đạo tuyệt đối, toàn diện, sâu sát, kịp thời, hiệu quả của cấp ủy; khắc phục tình trạng áp đặt, buông lỏng hoặc bao biện, làm thay; thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, thực hiện cơ chế *giao nhiệm vụ, khoán sản phẩm*, khuyến khích tinh thần chủ động, đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương và trách nhiệm giải trình của tập thể, cá nhân người đứng đầu cấp ủy; xây dựng phong cách, lề lối làm việc của cán bộ, đảng viên khoa học, gần dân, vì dân, bám sát thực tiễn, nói đi đôi với làm, bảo đảm chủ trương, nghị quyết của Đảng thực sự đi vào cuộc sống. Đẩy mạnh cải cách hành chính trong Đảng, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát của các cấp ủy, tổ chức đảng.

Tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 bảo đảm chất lượng, số lượng, cơ cấu. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của hội đồng nhân dân các cấp trong việc quyết định những vấn đề quan trọng của địa phương; nâng cao chất lượng các kỳ họp, hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn, các hoạt động giám sát, nhất là giám sát chuyên đề, các cuộc tiếp xúc cử tri và hoạt động của đại biểu hội đồng nhân dân các cấp.

Nâng cao năng lực quản lý, điều hành của ủy ban nhân dân và trách nhiệm thi hành của các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân các cấp theo hướng đề cao kỷ luật, kỷ cương hành chính và trách nhiệm giải trình của người đứng đầu cơ quan, đơn vị. Hoàn thiện cơ chế, quy định về phân cấp, phân quyền công khai, minh bạch, hiệu quả, thông suốt trong điều hành và tổ chức thực hiện từ tỉnh đến cơ sở. Đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cá nhân hoá và dựa trên dữ liệu; tăng cường giám sát, đánh giá và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong phục vụ Nhân dân. Xây dựng và vận hành hiệu quả chính quyền số, chính quyền thông minh. Phấn đấu đến năm 2030, cung cấp và sử dụng 100% dịch vụ hành chính công trực tuyến đạt mức độ 3 trở lên, trong đó có ít nhất% đạt mức độ 4; chỉ số cải cách hành chính (Par Index) thuộc nhóm 10 tỉnh, chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI), chỉ số quản trị hành chính công (PAPI) thuộc nhóm 20 tỉnh dẫn đầu của cả nước.

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
KHÓA XIX**